



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

20

Tháng 10 - 2011

Hội thảo Quốc gia “Nhà ở công nhân - Thực trạng và giải pháp”

Bình Dương, ngày 17 tháng 10 năm 2011



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu khai mạc Hội thảo



Toàn cảnh Hội thảo

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI HAI

20

SỐ 20 - 10/2011



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 90/2011/NĐ-CP của Chính phủ 5
về phát hành trái phiếu doanh nghiệp
- Quyết định số 54/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính 7
phủ về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp
năm 2011 của doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động
trong một số ngành nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần
thúc đẩy sản xuất kinh doanh
- Quyết định số 1766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính 8
phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể
di dân, tái định cư dự án thủy điện Tuyên Quang trên
địa bàn tỉnh Tuyên Quang
- Quyết định số 1803/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính 10
phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt
Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 1531/2011/QĐ-UBND của Ủy ban 12
nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định việc bán,
cho thuê, cho thuê mua và quản lý sử dụng nhà ở cho
người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị
- Quyết định số 471/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân 13
tỉnh Bình Định ban hành Quy định ký quỹ cam kết đầu
tư đối với các dự án ngoài Khu công nghiệp và Khu
kinh tế trên địa bàn tỉnh Bình Định

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội thảo “Lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện Việt Nam” 15
- Hội thảo quốc tế “Quản lý và phát triển không gian công cộng trong đô thị” 16
- Vật liệu cách nhiệt hiệu quả từ sợi vô cơ 18
- Duy trì an toàn sinh thái tại các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt 20
- Thiết kế không gian giao lưu trong khu cư trú 22
- Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng xây dựng - chiến lược hàng đầu giảm phát thải cacbon của các doanh nghiệp 26
- Tin Xây dựng quốc tế qua mạng Internet 27

Thông tin

- Hội thảo Quốc gia “Nhà ở công nhân - Thực trạng và giải pháp” 30
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Nam Định là đô thị loại I 31
- Hội nghị thẩm định Quy hoạch chung khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang đến năm 2030 33
- Hội thảo Nghị định về giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép xây dựng 35
- Hội nghị thẩm định Đề án Quy hoạch chung xây dựng Khu Công nghệ cao Đà Nẵng 36
- Dự trữ thuế - vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với các doanh nghiệp bất động sản Trung Quốc 38
- Văn hoá xây dựng và công tác quản lý hồ sơ xây dựng đô thị 43
- Nét đặc sắc sinh thái của các thành phố Tuebingen và Heidelberg (CHLB Đức) 46



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Nghị định số 90/2011/NĐ-CP của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp

Ngày 14/10/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 90/2011/NĐ-CP quy định việc phát hành trái phiếu riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam và phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế của doanh nghiệp, gồm công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn.

Theo đó, việc phát hành trái phiếu của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này, phải thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan. Trường hợp quy định của pháp luật chuyên ngành khác với quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp phát hành trái phiếu thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Theo Nghị định này, "Trái phiếu doanh nghiệp" là loại chứng khoán nợ do doanh nghiệp phát hành, xác nhận nghĩa vụ trả gốc, lãi và các nghĩa vụ khác (nếu có) của doanh nghiệp đối với chủ sở hữu trái phiếu. "Trái phiếu chuyển đổi" là loại trái phiếu do công ty cổ phần phát hành, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của doanh nghiệp phát hành theo điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành trái phiếu. "Trái phiếu có bảo đảm" là loại trái phiếu được bảo đảm thanh toán toàn bộ hoặc một phần gốc, lãi khi đến hạn bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba, hoặc được bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính, tín dụng có chức năng cung cấp dịch vụ bảo lãnh thanh toán.

Nghị định này quy định, doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo nguyên tắc tự vay, tự trả và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn; các hoạt động phát hành trái phiếu phải đảm

bảo công khai, minh bạch, công bằng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư; việc phát hành trái phiếu để cơ cấu lại nợ phải bảo đảm nguyên tắc không phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế để cơ cấu lại nợ bằng đồng Việt Nam; đối với phát hành trái phiếu để đầu tư cho các chương trình, dự án, doanh nghiệp phát hành phải đảm bảo duy trì tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu là 20% trong tổng mức đầu tư của chương trình, dự án. Đối với trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về vay và trả nợ nước ngoài.

Đối với việc phát hành trái phiếu trong nước, Nghị định này quy định mệnh giá tối thiểu của trái phiếu là 100.000 đồng, các mệnh giá khác là bội số của 100.000 đồng. Đối tượng mua trái phiếu là các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài. Tổ chức của Việt Nam không được sử dụng kinh phí của ngân sách nhà nước để mua trái phiếu.

Chủ sở hữu trái phiếu được doanh nghiệp phát hành bảo đảm thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo. Chủ sở hữu trái phiếu được dùng trái phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và cầm cố trong các quan hệ dân sự và quan hệ tín dụng theo quy định của pháp luật.

Doanh nghiệp phát hành trái phiếu quyết định lãi suất danh nghĩa trái phiếu cho từng đợt phát hành phù hợp với năng lực và khả năng tài chính của doanh nghiệp. Riêng đối với các tổ chức tín dụng, việc xác định lãi suất danh nghĩa

trái phiếu còn phải tuân thủ quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn.

Để được phát hành trái phiếu không chuyển đổi, doanh nghiệp phát hành phải có thời gian hoạt động tối thiểu là 01 năm kể từ ngày doanh nghiệp chính thức đi vào hoạt động; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm liền kề trước năm phát hành phải có lãi theo báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước hoặc tổ chức kiểm toán độc lập; đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn và các hạn chế khác về đảm bảo an toàn trong hoạt động đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại pháp luật chuyên ngành; có phương án phát hành trái phiếu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận.

Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu trước ngày 01/4 hàng năm chưa có báo cáo tài chính năm của năm liền kề được kiểm toán thì phải có Báo cáo tài chính được kiểm toán của năm trước năm liền kề với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi; báo cáo tài chính quý gần nhất với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi được kiểm toán (nếu có); báo cáo tài chính của năm liền kề với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi được Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phê duyệt theo Điều lệ hoạt động của công ty.

Đối với phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm theo chứng quyền, doanh nghiệp phát hành còn phải đáp ứng thêm các điều kiện như: thuộc đối tượng được phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm theo chứng quyền; đảm bảo tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam theo quy định hiện hành; các đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi phải cách nhau ít nhất 06 tháng.

Theo Nghị định này, doanh nghiệp phát hành phải xây dựng phương án phát hành trái phiếu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận để làm cơ sở cho việc phát hành trái phiếu và công bố cho các đối tượng mua trái phiếu.

Phương án phát hành trái phiếu phải bao gồm các nội dung cơ bản như: thông tin chung về ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; mục đích phát hành trái phiếu và phương án sử dụng vốn phát hành trái phiếu; khối lượng, loại hình, kỳ hạn, lãi suất danh nghĩa trái phiếu dự kiến phát hành; tỷ lệ chuyển đổi, giá chuyển đổi và biên độ biến động giá cổ phiếu (nếu có) đối với phát hành trái phiếu chuyển đổi; giá và thời điểm thực hiện mua cổ phiếu đối với phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền; phương thức phát hành trái phiếu và các tổ chức tham gia bảo lãnh phát hành, bảo lãnh thanh toán, đại lý phát hành, đại lý thanh toán gốc, lãi trái phiếu; kế hoạch bố trí nguồn và phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu; các cam kết khác đối với chủ sở hữu trái phiếu.

Đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thì phương án phát hành trái phiếu phải được Bộ quản lý ngành kinh doanh chính xem xét, chấp thuận; đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do Bộ, ngành hoặc UBND cấp tỉnh quyết định thành lập và làm chủ sở hữu thì phương án phát hành trái phiếu phải được Bộ, ngành, hoặc UBND cấp tỉnh xem xét, chấp thuận; Đối với doanh nghiệp nhà nước được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty TNHH từ hai thành viên trở lên, thì phương án phát hành trái phiếu phải được tổ chức được giao chức năng đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp xem xét chấp thuận.

Đối với việc phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, Nghị định này quy định, đối với trái phiếu không chuyển đổi, doanh nghiệp phát hành phải có thời gian hoạt động tối thiểu 03 năm; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của 03 năm liên tiếp liền kề với năm phát hành phải có lãi theo báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước hoặc tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp ở Việt Nam; đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ an

toàn vốn và các hạn chế khác về đảm bảo an toàn trong hoạt động đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại pháp luật chuyên ngành; trị giá trái phiếu quốc tế phải được Ngân hàng Nhà nước xác nhận thuộc tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài hàng năm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế về hệ số tín nhiệm để phát hành trái phiếu; phương án phát hành trái phiếu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận; doanh nghiệp phát hành đã hoàn chỉnh hồ sơ phát hành theo đúng luật pháp của thị trường phát hành áp dụng cho từng đợt, từng hình thức phát hành.

Đối với trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm theo chứng quyền, thì doanh nghiệp phát hành phải đáp ứng thêm các điều kiện: thuộc đối tượng được phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm theo chứng quyền; đảm bảo tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam theo quy định của pháp luật; các đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi phải cách nhau ít nhất 06 tháng.

Doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế phải làm thủ tục xác nhận và đăng ký khoản vay thương mại nước ngoài với

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Hồ sơ xác nhận và đăng ký khoản vay phát hành trái phiếu quốc tế bao gồm văn bản đề nghị của doanh nghiệp và phương án phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thì phương án phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp phải được Bộ quản lý ngành kinh doanh chính thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận; đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh quyết định thành lập và làm chủ sở hữu, thì phương án phát hành trái phiếu phải được Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận; đối với doanh nghiệp nhà nước dưới hình thức công ty cổ phần, công ty TNHH từ hai thành viên trở lên, phương án phát hành trái phiếu phải được tổ chức được giao chức năng đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2011.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 54/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 của doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong một số ngành nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh

Ngày 11/10/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 54/2011/QĐ-TTg về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 của doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong một số ngành nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Cụ thể, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 trong thời gian 01 năm, kể từ

ngày đến thời hạn nộp thuế theo quy định đối với các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, hợp tác xã có thu nhập từ hoạt động sản xuất, gia công, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử và từ hoạt động thi công, xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kinh tế xã hội.

Theo Quyết định này, doanh nghiệp sử

dụng nhiều lao động là doanh nghiệp có tổng số lao động sử dụng thường xuyên bình quân năm 2011 trên 300 người, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 03 tháng. Trường hợp doanh nghiệp theo mô hình công ty mẹ - công ty con thì số lao động của công ty mẹ không bao gồm số lao động của công ty con.

Các hoạt động thi công, xây dựng công trình hạ tầng kinh tế xã hội được đề cập trong Quyết định này gồm thi công, xây dựng, lắp đặt: nhà máy nước, nhà máy điện, công trình truyền tải, phân phối điện; hệ thống cấp thoát nước; đường bộ, đường sắt, cảng hàng không, cảng

biển, cảng sông; sân bay, nhà ga, bến xe; xây dựng trường học, bệnh viện, các công trình văn hóa thể thao; hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn; công trình thông tin liên lạc, công trình thủy lợi phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp được gia hạn không bao gồm số thuế thu nhập từ hoạt động khác và thu nhập khác ngoài thu nhập từ các hoạt động theo quy định tại Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30/11/2011

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 1766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư dự án thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Ngày 10/10/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1766/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư dự án thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Theo đó, phạm vi của Quy hoạch tại địa bàn các xã tiếp nhận hộ tái định cư Dự án thủy điện Tuyên Quang thuộc 05 huyện: Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa, Hàm Yên, thành phố Tuyên Quang và các xã có dân phải di chuyển thuộc tỉnh Tuyên Quang.

Đối tượng của Quy hoạch bao gồm các hộ tái định cư, hộ sở tại tại các điểm tái định cư Dự án thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, tổng số 12.828 hộ với 58.354 khẩu, trong đó: Hộ tái định cư 4.128 hộ với 20.444 khẩu, bao gồm: 4.116 hộ với 20.382 khẩu di chuyển theo Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư Dự án thủy điện Tuyên Quang đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 08/2007/QĐ-TTg ngày 12/01/2007 và bổ sung 12 hộ; hộ sở tại bị ảnh hưởng 8.700 hộ với 37.910 khẩu.

Mục tiêu tổng quát của Quy hoạch nhằm bảo đảm các điều kiện để người dân tái định cư ổn định chỗ ở và đời sống, trên cơ sở khai thác tiềm năng về tài nguyên và sức lao động, từng bước thay đổi cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần ngày càng tốt hơn nơi ở cũ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn; giữ vững ổn định chính trị - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái.

Mục tiêu cụ thể là bảo đảm đủ đất ở, đất sản xuất giao cho hộ tái định cư: Tạo thêm quỹ đất ở tại những nơi có điều kiện về quỹ đất để giao cho hộ tái định cư đủ theo mức 400 m²/hộ tái định cư nông nghiệp, 200 m²/hộ tái định cư phi nông nghiệp; đất sản xuất: Hộ tái định cư nông nghiệp được giao 500 m²/khẩu đất quy 2 vụ lúa; mỗi hộ tái định cư nông nghiệp được giao thêm đất trồng rừng sản xuất từ 0,5 ha/hộ trở lên. Ở những nơi không có đất trồng rừng sản xuất thì xem xét giao rừng phòng hộ cho hộ tái

định cư nông nghiệp khoanh nuôi bảo vệ, theo mức từ 3,0 ha/hộ trở lên; những nơi không có đất lâm nghiệp thì được quy đổi ra đất ruộng, đất trồng màu để giao thay thế tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương; Đầu tư hỗ trợ ổn định đời sống, phát triển sản xuất, đào tạo nghề gắn với tạo việc làm, khuyến khích chuyển đổi nghề từ sản xuất nông nghiệp sang phi nông nghiệp, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững cho người dân tái định cư. Đến năm 2015 nâng mức thu nhập của người dân tái định cư lên mức tương đương với mức thu nhập trung bình khu vực nông thôn của tỉnh; Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng tại điểm tái định cư đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, bao gồm: Đầu tư nâng cấp các công trình đã đầu tư theo Quyết định số 08/2007/QĐ-TTg nhưng chưa đạt tiêu chuẩn kỹ thuật theo chính sách tái định cư Dự án thủy điện Tuyên Quang đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, một số công trình xây dựng bị xuống cấp; các công trình có danh mục tại Quyết định số 08/2007/QĐ-TTg nhưng chưa thực hiện đầu tư và các công trình bổ sung mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư trên địa bàn tỉnh. Thời gian thực hiện Quy hoạch từ năm 2011 đến năm 2016.

Theo Quyết định này, Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ tái định cư và hộ sở tại bị ảnh hưởng, cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư 12 hộ, 62 khẩu tự nguyện di chuyển tại bản Chợ, xã Yên Hoa, huyện Na Hang và bản Thàng, xã Phúc Yên, huyện Lâm Bình. Số hộ này có vị trí đất ở nằm trên cao trình 120 mét (mức nước dâng bình thường) có trên 70% diện tích đất sản xuất bị ngập, nay phải di chuyển, tái định cư; Điều chỉnh quy hoạch điểm tái định cư xã Phú Lâm, huyện Yên Sơn để di chuyển 22 hộ đến khu tái định cư xã Bình An, huyện Lâm Bình.

- Đầu tư hỗ trợ tạo quỹ đất ở, đất sản xuất giao bổ sung cho hộ tái định cư: Đầu tư tạo quỹ

đất ở 82,9 ha để giao cho hộ tái định cư thiếu đất ở; hỗ trợ kinh phí để thực hiện chuyển quyền sử dụng 8,0 ha đất ở của hộ sở tại để giao cho hộ tái định cư; Hỗ trợ kinh phí để thực hiện chuyển quyền sử dụng 108,0 ha đất nông nghiệp của hộ sở tại và đầu tư khai hoang 65,9 ha đất nông nghiệp để giao cho hộ tái định cư thiếu đất sản xuất nông nghiệp; đầu tư xây dựng đồng ruộng 95,9 ha; Đầu tư bổ sung 1.919 ha đất trồng rừng sản xuất giao cho hộ tái định cư; hỗ trợ kinh phí giao khoán bảo vệ 2.120 ha rừng phòng hộ.

- Đầu tư hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề cho hộ tái định cư: Đào tạo, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 2.516 lao động, bao gồm: Đào tạo việc làm để chuyển đổi lao động tại chỗ 966 lao động; đào tạo nghề để làm việc tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh 700 lao động; đào tạo nghề 640 lao động để xuất khẩu; hỗ trợ đào tạo nghề 210 lao động có trình độ từ trung cấp nghề trở lên. UBND tỉnh Tuyên Quang căn cứ mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ để quyết định mức hỗ trợ cụ thể.

- Hỗ trợ khác để ổn định đời sống và phát triển sản xuất: Hỗ trợ một lần kinh phí mua giống, phân bón cho 1.497 hộ tái định cư được giao đất khai hoang, mức hỗ trợ không quá 5,0 triệu đồng/hộ; hỗ trợ một lần kinh phí thực hiện khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư cho 3.923 hộ, mức hỗ trợ không quá 5 triệu đồng/hộ. Mức hỗ trợ cụ thể do UBND tỉnh quy định; Hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các hộ tái định cư có nhu cầu vay vốn để trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi, phát triển nghề tiểu thủ công nghiệp. Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang căn cứ mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ để quyết định mức hỗ trợ cụ thể.

Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng: Đầu tư nâng cấp, cải tạo công trình kết cấu hạ tầng đã được đầu tư theo Quyết định số 08/2007/QĐ-TTg nhưng chưa đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, gồm:

114 công trình giao thông, 12 công trình thủy lợi, 43 công trình cấp nước sinh hoạt, 10 trạm biến áp, 25 km đường dây 0,4 kV, 02 công trình kiến trúc công cộng, 78 công trình thoát nước trong khu dân cư ; Đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 08/2007/QĐ-TTg nhưng chưa thực hiện đầu tư, gồm: 28 công trình giao thông, 44 công trình thủy lợi, 63 công trình kiến trúc công cộng, 57 nghĩa trang; Đầu tư xây dựng một số công trình tại khu, điểm tái định cư chưa có danh mục tại Quyết định số 08/2007/QĐ-TTg, bao gồm: 105 công trình giao thông, 69 công trình thủy lợi, 12 công trình cấp nước sinh hoạt, 07 trạm biến áp, 24 km đường

dây 0,4 kV, 3,3 km đường dây 35 kV, 149 công trình kiến trúc công cộng; 27 công trình xử lý rác thải tập trung, 07 công trình kè bảo vệ chống sạt lở, 7.076 hầm BIOGAS hoặc nhà vệ sinh tự hoại; Đầu tư xây dựng một số công trình để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư trên địa bàn tỉnh, gồm: 26 công trình giao thông, nâng cấp 20 công trình thủy lợi, xây dựng mới 44 phai đập, nâng cấp 6,0 km kênh tưới và xây dựng mới 29 km kênh tưới chính.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 1803/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

Ngày 18/10/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1803/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Một trong những quan điểm phát triển của Chiến lược này là đổi mới, hoàn thiện công tác thống kê theo hướng hiện đại, chất lượng và hiệu quả của cả hệ thống, bao gồm hệ thống thống kê tập trung, thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (thống kê Bộ, ngành); thống kê Sở, ngành địa phương; thống kê xã, phường, thị trấn; thống kê doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các cơ quan, tổ chức thống kê khác. Thực hiện đồng bộ hóa, chuẩn hóa, quy trình hóa và tin học hóa tất cả các quá trình, các khâu: thu thập, xử lý và tổng hợp, phân tích và dự báo; truyền đưa, lưu giữ và phổ biến thông tin thống kê, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và chuẩn mực, thông lệ quốc tế.

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược nhằm đưa Thống kê Việt Nam phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở hoàn thiện hệ thống tổ

chức, bảo đảm đủ số lượng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, áp dụng đồng bộ phương pháp thống kê tiên tiến và tăng cường sử dụng công nghệ hiện đại; hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung, thống nhất, thông suốt và hiệu quả với số lượng thông tin ngày càng đầy đủ và chất lượng thông tin ngày càng cao, phục vụ việc hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, lãnh đạo Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền các cấp... phấn đấu đến năm 2020 Thống kê Việt Nam đạt trình độ khá và năm 2030 đạt trình độ tiên tiến của khu vực.

Mục tiêu cụ thể của Chiến lược là xây dựng, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê của các Bộ, ngành đồng bộ với Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã; bảo đảm từ năm 2015 tất cả các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Hệ thống chỉ tiêu thống kê các Bộ, ngành và Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã đều được thu thập, tổng hợp và phổ

biến theo nội dung và kỳ công bố quy định; các thông tin thống kê được sản xuất và phổ biến đáp ứng các tiêu thức chất lượng đang được hầu hết các cơ quan thống kê quốc gia và các tổ chức quốc tế áp dụng, bao gồm: tính phù hợp, tính chính xác, tính kịp thời, khả năng tiếp cận, khả năng giải thích và tính chặt chẽ; đồng thời bảo đảm tính so sánh quốc tế; Hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung, đồng bộ và thống nhất có sự phối hợp, trao đổi, chia sẻ và kết nối thông tin thường xuyên, chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức thống kê trong nước, thực hiện đầy đủ các cam kết về cung cấp và chia sẻ thông tin với các tổ chức quốc tế, cơ quan thống kê các quốc gia theo quy định của pháp luật. Hoàn thành việc xây dựng các cơ sở dữ liệu thống kê vi mô; cơ sở dữ liệu thống kê vĩ mô; cơ sở dữ liệu thống kê về hệ thống các bảng phân loại, danh mục và hệ thống khái niệm, nguồn thông tin, phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê; tiến tới hoàn thành việc xây dựng kho dữ liệu thống kê kinh tế - xã hội vào năm 2020 để các đối tượng dùng tin đều có thể khai thác, sử dụng; Nâng Chỉ số chung về năng lực thống kê theo các tiêu chí đánh giá của Ngân hàng Thế giới đối với thống kê nước ta từ 61 điểm (thang điểm 100) năm 2010 lên 70 điểm vào năm 2015; 80 điểm vào năm 2020 và 95 điểm vào năm 2030, trong đó Chỉ số phương pháp luận thống kê từ 30 điểm lên 55 điểm, 75 điểm và 90 điểm vào các năm tương ứng. Nâng mức độ thực hiện Hệ thống tài khoản quốc gia của thống kê nước ta theo Khung đánh giá của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc từ mức 2/6 năm 2008 lên mức 3/6 năm 2015, 4/6 năm 2020 và phấn đấu đạt mức 6/6 vào năm 2030. Năm 2015 thực hiện đầy đủ Hệ thống phổ biến dữ liệu chung (GDDS) và năm 2020 tuân thủ đầy đủ Tiêu chuẩn phổ biến dữ liệu riêng (SDDS) của Quỹ Tiền tệ Quốc tế.

Các giải pháp thực hiện chiến lược được đề ra trong Quyết định này bao gồm giải pháp về hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế phối hợp;

giải pháp về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê; các giải pháp ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; giải pháp về tổ chức, nhân lực.

Theo đó, sẽ sửa đổi, bổ sung Luật Thống kê và các văn bản pháp lý liên quan, xây dựng và ban hành các văn bản quy định cơ chế phối hợp, trao đổi, chia sẻ và kết nối thông tin thống kê, ban hành các văn bản tạo cơ sở pháp lý triển khai một số hoạt động dịch vụ thống kê phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế; nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học theo hướng hình thành hệ thống nghiên cứu có sự tham gia của cả hệ thống thống kê, biên soạn tài liệu hướng dẫn phương pháp luận thống kê, chuẩn hóa các quy trình thống kê trên cơ sở tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động thu thập thông tin thống kê, kết hợp chặt chẽ và hiệu quả ba hình thức thu thập thông tin thống kê: báo cáo thống kê; điều tra thống kê và khai thác hồ sơ đăng ký hành chính; củng cố, hoàn thiện tổ chức và nâng cao năng lực phân tích và dự báo của các cơ quan thống kê thuộc hệ thống thống kê tập trung và thống kê Bộ, ngành.

Theo Quyết định này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm đầu mối tổ chức thực hiện chiến lược, xây dựng, ban hành và chỉ đạo kế hoạch thực hiện các Chương trình hành động; Trong năm 2012, xây dựng và ban hành các văn bản quy định cơ chế phối hợp, trao đổi, chia sẻ và kết nối thông tin thống kê, xây dựng và ban hành chính sách phổ biến thông tin thống kê; Năm 2013 hoàn thiện việc đánh giá, bổ sung sửa đổi Luật Thống kê và các văn bản dưới Luật để Chính phủ trình Quốc hội đưa vào chương trình xây dựng, sửa đổi Luật; Nghiên cứu hoàn thiện bộ máy tổ chức thống kê từ Trung ương tới cơ sở, tăng cường vai trò, trách nhiệm và năng lực của thống kê Bộ, ngành ở Trung ương, thống kê Sở, ngành ở địa phương.; Hoàn

thiện các chế độ, chính sách đối với người làm công tác thống kê, có chính sách khuyến khích người làm công tác thống kê không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và gắn bó với nghề nghiệp.

Các Bộ, ngành có trách nhiệm cụ thể hóa Chiến lược phát triển thống kê thuộc lĩnh vực quản lý nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động được phân công trong các

Chương trình hành động, đặc biệt tập trung vào xây dựng hoàn thiện công tác thông kê Bộ, ngành cả về tổ chức bộ máy, bố trí biên chế và phương pháp nghiệp vụ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 1531/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định việc bán, cho thuê, cho thuê mua và quản lý sử dụng nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị

Ngày 27/9/2011, UBND tỉnh Phú Yên đã có Quyết định số 1531/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định việc bán, cho thuê, cho thuê mua và quản lý sử dụng nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị.

Đối tượng của Quy định này là những người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị thuộc diện được mua, thuê, thuê mua nhà ở theo Quyết định 67/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư 36/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng; Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bán, cho thuê, thuê mua quản lý sử dụng và vận hành khai thác nhà ở thu nhập thấp.

Cụ thể, các đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở thu nhập thấp gồm cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang hưởng lương từ ngân sách nhà nước và người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị. Người được mua, thuê, thuê mua nhà ở thu nhập thấp phải đáp ứng đủ các điều kiện: chưa có nhà hoặc có nhà ở nhưng diện tích bình quân dưới 5m²/người; chưa được Nhà nước hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức; đối với các trường hợp mua và thuê mua nhà ở thu nhập thấp thì phải có hộ

khẩu thường trú hoặc tạm trú dài hạn tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án; có mức thu nhập thấp, không có khả năng tự cải thiện chỗ ở.

Theo Quy định này, người mua, thuê mua nhà ở thu nhập thấp được vay vốn từ các ngân hàng thương mại có hỗ trợ của Nhà nước về lãi suất để trả một lần, trả góp tiền mua, thuê mua nhà ở.

Trình tự, thủ tục thực hiện mua, thuê, thuê mua nhà ở thu nhập thấp, hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan được thực hiện theo Thông tư số 36/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

Về việc chuyển nhượng nhà ở thu nhập thấp, theo Quy định này, hộ gia đình thuê nhà ở thu nhập thấp không được phép chuyển nhượng nhà ở đang được thuê. Hết thời hạn thuê, nếu không đủ điều kiện thuê nhà thu nhập thấp thì phải trả lại cho cơ quan quản lý nhà của Tỉnh. Trường hợp mua, thuê mua nhà ở thu nhập thấp chỉ được phép bán, cho thuê nhà ở đó sau khi đã trả hết tiền cho chủ đầu tư và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở nhưng phải bảo

đảm thời gian tối thiểu là 10 năm kể từ thời điểm ký hợp đồng mua bán, hợp đồng thuê mua nhà ở thu nhập thấp. Trường hợp mua, thuê mua nhà ở mà chưa đủ thời gian 10 năm kể từ thời điểm ký hợp đồng mua, thuê mua nhà ở thu nhập thấp nhưng bên mua, thuê mua nhà ở thu nhập thấp có nhu cầu bán thì chỉ được bán cho cơ quan quản lý nhà của Tỉnh hoặc chủ đầu tư (giá bán không vượt quá giá nhà ở thu nhập thấp cùng loại tại thời điểm bán).

Theo Quy định này, Thủ trưởng các đơn vị có cán bộ mua, thuê, thuê mua nhà thu nhập thấp phải chịu trách nhiệm về việc xác nhận mức thu nhập và danh sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do đơn vị mình quản lý đủ điều kiện được mua, thuê, thuê mua nhà ở thu nhập thấp đảm bảo đúng quy định.

(Xem toàn văn tại: www.phuyen.gov.vn)

Quyết định số 471/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định ký quỹ cam kết đầu tư đối với các dự án ngoài Khu công nghiệp và Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Bình Định

Ngày 21/9/2011, UBND tỉnh Bình Định đã có Quyết định số 471/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định ký quỹ cam kết đầu tư đối với các dự án ngoài Khu công nghiệp và Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Bình Định. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Theo Quy định này, các dự án đầu tư có sử dụng đất phải thực hiện ký quỹ gồm: dự án quan trọng, cần thiết gắn với sử dụng đất, quy đất có lợi thế về vị trí địa lý với giá trị thương mại cao; dự án hoạt động trong lĩnh vực du lịch, bất động sản du lịch; dự án xây dựng, kinh doanh nhà ở thương mại, bất động sản gắn với quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về kinh doanh bất động sản, pháp luật về đất đai; dự án sản xuất tại địa bàn thành phố Quy Nhơn và các thị trấn, thị xã trong tỉnh.

Quy định này không áp dụng đối với: dự án đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế; dự án đầu tư theo hình thức BOT, BT, BTO; các dự án thực hiện theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất; các dự án sử dụng đất do nhà đầu tư tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các dự án khác có quy định riêng về ký quỹ.

Theo đó, Các tổ chức, cá nhân (dưới đây gọi tắt là nhà đầu tư) trong nước được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư; nhà đầu tư nước ngoài được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư có nghĩa vụ cam kết tài chính thực hiện dự án trong một thời gian nhất định thông qua tổ chức tín dụng nhằm đảm bảo trách nhiệm của nhà đầu tư đối với việc triển khai thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ đã cam kết trong hồ sơ dự án hoặc Giấy chứng nhận đầu tư, tạo môi trường đầu tư tích cực, nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng đất đai.

Việc ký quỹ được thực hiện dưới hình thức nhà đầu tư nộp một khoản tiền vào tài khoản ký quỹ tại một ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh do nhà đầu tư tự lựa chọn để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cam kết đầu tư trong một thời gian nhất định.

Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy Chứng nhận đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo mức ký quỹ để nhà đầu tư tiến hành thủ tục nộp tiền ký quỹ.

Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi có thông báo mức ký quỹ của Sở Kế hoạch và Đầu tư, nhà đầu tư phải tiến hành ký quỹ tại ngân

hàng ký quỹ và được hưởng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tương ứng với thời gian ký quỹ. Số tiền ký quỹ đầu tư sẽ được nhận lại 40% khi nhà đầu tư đã khởi công xây dựng hạng mục chính của công trình, 60% tiếp theo khi nhà đầu tư hoàn thành 100% giá trị xây dựng cơ bản. Trường hợp nhà đầu tư phải ứng trước tiền để thực hiện công tác hỗ trợ, đền bù, giải phóng mặt bằng thì số tiền hoàn trả sẽ được lấy từ tiền đã thực hiện ký quỹ trên cơ sở xem xét, đề xuất cụ thể của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Khi thực hiện xong việc ký quỹ, nhà đầu tư phải thông báo bằng văn bản kèm theo chứng từ ký quỹ của ngân hàng ký quỹ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Nhà đầu tư không triển khai dự án đầu tư hoặc triển khai không đúng tiến độ cam kết mà không có lý do chính đáng thì cấp có thẩm quyền sẽ yêu cầu ngân hàng ký quỹ chuyển số tiền đã ký quỹ vào ngân sách nhà nước, kể cả tiền lãi.

Trường hợp, việc chậm trễ thực hiện dự án mà lỗi không phải của nhà đầu tư thì Sở Kế

hoạch và Đầu tư có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh và đề xuất hướng giải quyết cụ thể.

Đối với dự án đầu tư dưới 200 tỷ đồng, mức ký quỹ là 5% tổng mức đầu tư, nhưng tối đa không quá 6 tỷ đồng; Với dự án có tổng mức đầu tư từ 200 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng, mức ký quỹ là 3% tổng mức đầu tư, nhưng tối đa không quá 7,5 tỷ đồng; dự án từ 500 tỷ đồng trở lên, mức ký quỹ là 1,5% tổng mức đầu tư.

Riêng đối với các dự án thuộc lĩnh vực du lịch, dịch vụ du lịch dự kiến sử dụng đất từ 2ha trở lên đầu tư vào địa bàn không phải là thành phố Quy Nhơn, thị trấn, thị xã trong tỉnh, mức tiền ký quỹ được tính như sau: Từ 2 ha đến dưới 5 ha: 150 triệu đồng/ha, nhưng tối đa không quá 600 triệu đồng; Từ 5 ha đến dưới 10 ha: 120 triệu đồng/ha, nhưng tối đa không quá 900 triệu đồng; Từ 10 ha đến dưới 50 ha: 90 triệu đồng/ha, nhưng tối đa không quá 3 tỷ đồng; Từ 50 ha trở lên: 60 triệu đồng/ha.

(Xem toàn văn tại: www.binhdingh.gov.vn)

Hội thảo “Lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện Việt Nam”

Ngày 21/10/2011 tại Hà Nội, Hiệp hội Môi trường Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam đã tổ chức Hội thảo “Lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện Việt Nam”. Tham dự Hội thảo có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Văn Sơn; đại diện các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Công an; đại diện UBND các tỉnh thành trong cả nước như Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Phước..., đại diện các công ty, các tổ chức trong nước và quốc tế hoạt động trong lĩnh vực môi trường - đô thị.

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Văn Sơn nhận định: Bảo vệ môi trường chính là một trong những động lực thúc đẩy quá trình hội nhập của kinh tế đất nước. Việt Nam chúng ta trên con đường phát triển đang phải đối mặt với nhiều vấn đề bức thiết do sự ô nhiễm môi trường, trong đó có ô nhiễm từ rác thải sinh hoạt. Tỷ lệ thu gom xử lý rác thải tại các đô thị chỉ mới đạt xấp xỉ 83%. Các công nghệ áp dụng như công nghệ an sinh, công nghệ MBT - CD.08 đã mang lại những hiệu quả nhất định, tuy nhiên xử lý chất thải rắn (CTR) vẫn còn là một vấn đề bức xúc cần nhận được sự quan tâm của tất cả các cấp, các ngành. Công nghệ xử lý CTR sinh hoạt hiện tại chủ yếu vẫn là công nghệ chôn lấp (bình quân 1 bãi chôn lấp /1 đô thị); trong khi đó 85% các đô thị Việt Nam lại có bãi chôn lấp không hợp vệ sinh. Công nghệ xử lý CTR chưa đồng bộ; chôn lấp gây lãng phí tài nguyên đất; sản phẩm thu được từ quá trình xử lý chưa được tiêu thụ nhiều... Thứ trưởng Trần Văn Sơn bày tỏ mong muốn: Qua những ý kiến đóng góp, thảo luận, kinh nghiệm đúc kết được trong Hội thảo này, từng địa phương trên cả nước sẽ tìm ra những giải pháp phù hợp nhất để giải quyết những tồn tại nêu



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Văn Sơn phát biểu tại Hội thảo

trên, lựa chọn được công nghệ phù hợp với điều kiện của địa phương mình.

Theo GS.TS. Nguyễn Hữu Dũng - Viện trưởng Viện Môi trường Đô thị và Công nghiệp Việt Nam - tốc độ tăng dân số và quá trình đô thị hoá nhanh chóng của nước ta trong những năm qua tuy thu hút được nguồn vốn đầu tư lớn cho công tác phát triển đô thị và nâng cao hiệu quả sử dụng đất đô thị; song cũng tạo sức ép không nhỏ về tiêu dùng và phát sinh chất thải, trở thành thách thức lớn cho sự phát triển bền vững của hệ thống đô thị. Một trong những nguyên nhân làm suy giảm chất lượng sống đô thị là tình trạng không kiểm soát được lượng ô nhiễm chất thải, đặc biệt CTR sinh hoạt. Để quản lý có hiệu quả các loại CTR sinh hoạt đang phát sinh ngày càng nhiều (tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh từ các đô thị có xu hướng tăng trung bình từ 10-16% /năm; bình quân mỗi ngày cả nước phát sinh khoảng 25.000 tấn rác thải sinh hoạt), bên cạnh việc xây dựng một hệ thống đồng bộ các yếu tố về chính sách, luật pháp, thể chế tổ chức, quy hoạch...việc lựa chọn công nghệ xử lý thích hợp, đặc biệt là tái chế, tái sử dụng rác thải để khai thác lợi ích kinh tế từ rác và từng bước hạn

chế chôn lấp đang là yêu cầu vô cùng cấp thiết tại các đô thị Việt Nam. Để giải quyết vấn đề này, ngày 25/5/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 798/QĐ-TTg về phê duyệt chương trình đầu tư xử lý CTR giai đoạn 2011-2020 với mục tiêu: Huy động và tập trung các nguồn lực tham gia đầu tư vào lĩnh vực xử lý CTR nhằm nâng cao hiệu quả quản lý CTR, cải thiện chất lượng môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước.

Cũng theo GS.TS. Nguyễn Hữu Dũng, các loại công nghệ xử lý CTR sinh hoạt hiện nay hầu hết chỉ tập trung cho khu vực đô thị, gồm: công nghệ chôn lấp, công nghệ tái chế chất thải, công nghệ chế biến rác thải thành phân hữu cơ hoặc viên nhiên liệu, công nghệ đốt, công nghệ an sinh (ASC), công nghệ xử lý rác thải sinh hoạt MBT-CD.08... Vấn đề chủ yếu là: dựa trên các tiêu chí kỹ thuật và công nghệ, tiêu chí về kinh tế, tiêu chí về tính phù hợp với điều kiện cụ thể của từng đô thị, tiêu chí về an toàn môi trường - hiệu quả xử lý; kết hợp với định hướng về lựa chọn công nghệ xử lý rác thải sinh hoạt tại Việt Nam trong những năm tới đã được vạch ra trong Chiến lược Quốc gia về quản lý CTR ban hành theo Quyết định số 2149/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Quốc gia về quản lý tổng hợp CTR tới năm 2025, tầm nhìn tới năm 2050, các đô thị Việt Nam cần xác định

Hội thảo quốc tế “Quản lý và phát triển không gian công cộng trong đô thị”

Ngày 26/10/2011 tại Hà Nội, trong khuôn khổ các hoạt động kỷ niệm lần thứ 3 ngày Đô thị Việt Nam 8/11/2011, Cục Phát triển đô thị Bộ Xây dựng đã phối hợp với tổ chức HealthBridge Canada tổ chức Hội thảo quốc tế “Quản lý và phát triển không gian công cộng trong đô thị”. Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đã đến dự và phát biểu khai mạc Hội thảo.



Toàn cảnh Hội thảo

hướng đi đúng trong lĩnh vực xử lý CTR sinh hoạt, góp phần bảo vệ môi trường, vì sự phát triển bền vững của toàn xã hội.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã nghe các tham luận về một số công nghệ xử lý CTR đang được áp dụng có hiệu quả tại một số nơi như công nghệ MBT-CD.08 (nhà máy xử lý rác Sông Công - Thái Nguyên), công nghệ BETID (Bình Phước); nghe giới thiệu về Hệ thống thu gom và quản lý CTR sinh hoạt của các tổ chức quốc tế (Tập đoàn Environmental Choice - Mỹ, Công ty Shimaywa-Nhật...), đồng thời cùng thảo luận kinh nghiệm chuyển hoá rác thải thành năng lượng của Nhật, kinh nghiệm quản lý đất tại các khu vực bị ô nhiễm của CHLB Đức...

Lệ Minh

Hội thảo đã thu hút được sự quan tâm của đông đảo cán bộ, chuyên gia đến từ Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và các địa phương; các Hội và Hiệp hội chuyên ngành; trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh; cùng nhiều chuyên gia và tổ chức quốc tế.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn cho biết, trong

quá trình phát triển đô thị, chúng ta đã và đang chú trọng đầu tư các công trình hạ tầng đô thị nhằm nâng cao chất lượng sống cho người dân, trong đó không gian công cộng phục vụ nâng cao sức khỏe cộng đồng cũng đã được quan tâm. Tuy nhiên, việc phát triển không gian công cộng tại các đô thị Việt Nam vẫn còn nhiều tồn tại như quảng trường, công viên, vườn hoa, phố đi bộ, khu vui chơi cho trẻ em, thanh thiếu niên, người già,... hiện chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu của người dân; không gian công cộng còn rất thiếu và nhiều nơi sử dụng chưa đúng mục đích, tổ chức không gian chưa thật hiệu quả. Về mặt pháp luật chúng ta chưa có văn bản cụ thể quy định về quy chế quản lý không gian công cộng (KGCC).

Nhằm góp phần thiết thực khắc phục tình trạng nêu trên, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đề nghị Hội thảo tập trung vào những nội dung trọng tâm là xác định các vấn đề còn tồn tại trong công tác phát triển và quản lý KGCC cấp đô thị tại một số quốc gia và ở Việt Nam; nâng cao chất lượng KGCC; tăng cường năng lực quản lý của chính quyền đô thị và nâng cao ý thức của người dân trong phát triển và quản lý KGCC. Hội thảo nên đưa ra các giải pháp cụ thể, các cơ chế, chính sách và các điều kiện bắt buộc áp dụng liên quan đến KGCC, trên cơ sở đó Bộ Xây dựng sẽ chỉ đạo nghiên cứu xây dựng các chế tài phục vụ cho việc quản lý và đưa KGCC vào các quy chuẩn bắt buộc áp dụng.

Các đại biểu đã báo cáo và thảo luận về việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá hiện trạng xác định các vấn đề còn tồn tại trong công tác phát triển và quản lý KGCC cấp đô thị tại các nước và Việt Nam; đóng góp ý kiến xây dựng các tiêu chí về phát triển và quản lý KGCC cấp đô thị nhằm nâng cao chất lượng của các KGCC, nâng cao chất lượng của cư dân đô thị về giao lưu, sinh hoạt cộng đồng; chia sẻ kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp tăng cường năng lực quản lý của chính quyền đô thị, nâng cao ý thức của cộng đồng trong việc xây dựng,



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn phát biểu khai mạc Hội thảo

phát triển và quản lý KGCC cấp đô thị.

Các báo cáo cho thấy, việc gìn giữ và phát triển không gian công cộng trong đô thị là một vấn đề quan trọng trong phát triển đô thị bởi nó liên quan trực tiếp tới chất lượng cuộc sống đô thị, tới sức khỏe thể chất và tinh thần của người dân đô thị. KGCC còn là yếu tố góp phần tạo nên nét độc đáo và bản sắc của mỗi thành phố, là yếu tố dính kết đời sống cộng đồng và làm cho mỗi người dân thêm gắn bó với thành phố, với nơi mình ở hơn.

Theo tham luận của Cục Phát triển Đô thị - Bộ Xây dựng, công tác phát triển đô thị ở nước ta hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống đô thị với tính nhân văn cao, đô thị phát triển vì mục tiêu con người. Do vậy, cần xây dựng các chính sách phát triển đô thị với các giải pháp đồng bộ và có hệ thống từ nghiên cứu lập quy hoạch đô thị cho đến quản lý xây dựng phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt, với các nhiệm vụ cụ thể là:

- Đặt mục tiêu cho công tác quy hoạch phát triển đô thị vì sự phát triển bền vững với con người là trung tâm, hài hòa với thiên nhiên phát huy các giá trị văn hoá - lịch sử của cộng đồng, dân tộc;
- Xác định hệ thống không gian mở đảm bảo kết nối các giá trị cảnh quan thiên nhiên đặc thù của mỗi đô thị và những không gian văn hoá - lịch sử trong các đồ án quy hoạch chung đô thị;
- Nghiên cứu, đề xuất bổ sung các quy định

pháp luật hiện hành đối với quản lý và phát triển KGCC;

- Nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc giữ gìn, bảo vệ và quản lý KGCC;

- Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ hỗ trợ chính quyền đô thị các cấp nhằm quản lý tốt KGCC đô thị.

Các báo cáo được trình bày tại Hội thảo do các diễn giả đến từ các nước Canada, Đức, Thụy Sĩ, Phần Lan,... và các chuyên gia nghiên cứu về KGCC trình bày trong đó có diễn giả Guillermo Penalosa – một chuyên gia rất đam mê tạo ra những thành phố dành cho con người. Guillermo Penalosa hiện là giám đốc điều hành của Tổ chức 8-80 Cities trụ sở tại Canada, trước đây là ủy viên Hội đồng thành phố Bogota, Columbia chuyên về mảng Công viên và KGCC, người đã chủ trì việc xây dựng hơn 200 công viên của thành phố và tạo dựng những cơ sở hạ tầng thuận lợi cho việc đi bộ và đi xe đạp của cư dân.

Các diễn giả quốc tế đến từ Canada, Đức, Thụy Sĩ, Hà Lan và các tổ chức quốc tế như HealthBridge, Viện Nghiên cứu địa lý thuộc Đại học Neuchotel Thụy Sĩ, tổ chức CIM Đức đã chia sẻ kinh nghiệm về phát triển những KGCC thân thiện với người dân ở các thành phố lớn trên thế giới, xây dựng và phát triển KGCC tại Thụy Sĩ và Châu Âu, quản lý KGCC ở các thành phố châu Á, phát triển KGCC ở Canada và liên hệ với Hà Nội, giá trị của KGCC của Hà Nội và xây dựng văn bản pháp luật quản lý KGCC tại Đức. Các báo đã cố gắng không chỉ

giới thiệu kinh nghiệm các nước mà lồng ghép các kiến nghị áp dụng vào điều kiện Việt Nam.

Các chuyên gia trong nước chuyên nghiên cứu về KGCC đã đem đến Hội thảo các kinh nghiệm, các đề xuất về quản lý và phát triển hệ thống KGCC tại Hà Nội, qui hoạch KGCC trong đô thị và phạm vi ảnh hưởng, KGCC dành cho người tàn tật hòa nhập cộng đồng, công tác quản lý kiến trúc, cảnh quan các không gian công cộng, các biện pháp kiểm soát KGCC cũng như một số nét về sự hình thành và biến đổi hình thái KGCC - quảng trường ở đô thị Việt Nam qua các thời kỳ,... Các báo cáo đã nêu lên hiện trạng, phân tích các nguyên nhân của tình trạng KGCC đô thị nước ta nói chung và tại một số thành phố, địa phương trên cơ sở đó đề xuất các kiến nghị về giải pháp, cơ chế, chính sách nhằm tạo ra khả năng tiếp cận cho người tàn tật đối với KGCC, nâng cao chất lượng KGCC và tăng cường hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý KGCC đô thị.

Hội thảo đã trở thành một diễn đàn mở để các nhà quản lý, các nhà xây dựng chính sách, các nhà tư vấn thiết kế, các nhà nghiên cứu phát triển và quản lý KGCC đô thị cùng các doanh nghiệp trong và ngoài nước mở rộng thông tin, tăng cường trao đổi kinh nghiệm, hợp tác cùng phát triển đồng thời đem lại nhiều nội dung thiết thực góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của các đô thị Việt Nam.

Huỳnh Phước

Vật liệu cách nhiệt hiệu quả từ sợi vô cơ

Bảo vệ năng lượng là một trong những vấn đề then chốt của nền kinh tế Nga. Sợi vô cơ chính là một giải pháp cho vấn đề này.

Việc áp dụng các vật liệu cách nhiệt hiện đại trong xây dựng cho phép nâng cao một cách đáng kể khả năng bảo toàn nhiệt của các ngôi nhà ở cũng như các xưởng sản xuất, nâng cao

khả năng tiết kiệm năng lượng và phòng chống cháy nổ của các công trình này.

Theo đánh giá của các chuyên gia, 1m³ vật liệu cách nhiệt có thể bảo đảm tiết kiệm từ 1,4 - 1,6 tấn nhiên liệu trong 1 năm. Bên cạnh đó, vật liệu cách nhiệt còn giúp giảm bề dày, khối lượng và giá thành của các vật liệu ngăn; duy trì

chế độ nhiệt cần thiết trong các thiết bị công nghệ và năng lượng; giảm sự thất thoát nhiệt liệu riêng trên từng đơn vị sản phẩm, cải thiện điều kiện lao động.

Sợi khoáng - loại vật liệu cách nhiệt cơ bản

Tuy những tiêu chuẩn mới về các kết cấu ngăn có tính cách nhiệt đã được áp dụng, cho tới nay Nga vẫn khá lạc hậu so với các nước châu Âu trong vấn đề tiết kiệm năng lượng. Tại châu Âu, sản lượng của vật liệu cách nhiệt tính theo bình quân đầu người cao hơn 5-7 lần so với Nga.

Thị trường của loại vật liệu này trên toàn thế giới có giá trị khoảng 20 - 25 tỷ USD; và theo ý kiến của các chuyên gia, trong vòng một thập kỷ tới đây có thể sẽ tăng lên gấp đôi. Nhu cầu tiêu thụ tất cả các loại vật liệu cách nhiệt của Nga chiếm khoảng 4% nhu cầu tiêu thụ của thế giới.

Các vật liệu cách nhiệt từ sợi khoáng (sợi đá, thủy tinh, xỉ) với đặc tính chịu lửa cao, tính an toàn sinh thái, đặc tính âm học rất tốt và giá thành tương đối thấp đang đóng vai trò nổi bật (chiếm 60-80% sản lượng) trong ngành sản xuất vật liệu cách nhiệt hiệu quả của Nga. Các đặc tính cách nhiệt của các loại vật liệu kể trên lại càng rõ hơn bởi thành phần bột trong không khí rất lớn: 95 - 97% khối lượng chung của vật liệu; tính thẩm thấu cho phép hơi nước bên trong các căn phòng thoát ra ngoài một cách dễ dàng.

Vật liệu sợi được áp dụng trong các kết cấu khác nhau, trong đó có:

- trong các hệ thống mặt tiền có trát vữa được cách nhiệt bên ngoài;
- trong các mặt tiền treo thông gió;
- trong các tường ngoài có vật liệu cách nhiệt bên trong tường (được đặt theo lớp, tấm panel bê tông cốt thép 3 lớp, tấm panel sandwich 3 lớp có bọc kim loại);
- được dùng như là nền trong các mái cuốn và mái mastic;
- trong các kết cấu mái cuộn và gác sắt mái;
- trong các kết cấu mái và sàn nhà, cụ thể là sàn tiếp giáp đất và các kết cấu tiếp nối của

tường ngoài và mái.

Việc áp dụng rộng rãi như trên đã chứng minh tính đa dạng của các sản phẩm từ sợi khoáng. Đó có thể là các tấm với mức độ cứng, độ dày và độ bền chắc khác nhau; có thể là các ống, các lá mỏng được mạ nhôm dát mỏng hoặc sợi thủy tinh. Trong số các sản phẩm có vật liệu cách nhiệt kỹ thuật dành cho các lò sưởi, bếp lò, ống khói và các thiết bị chịu nhiệt cao.

Các loại sợi khoáng như sợi đá, thủy tinh, xỉ được coi như nguyên liệu để sản xuất.

Hướng tới những công nghệ mới

Trong vòng 10 năm trở lại đây, tại Nga một số cơ sở sản xuất mới đã ra đời, nhiều dây chuyền sản xuất được cải tiến. Nhiệm vụ hàng đầu của ngành công nghiệp sợi khoáng là chuyển đổi sang sản xuất các vật liệu cách nhiệt dạng sợi từ các nham thạch thuộc nhóm đá gabro bazan; chế tạo các thiết bị nóng chảy hiệu quả như: tấm bếp gas và điện và bếp lò có ống lọc xoáy...với số lượng nhiều hơn; hoàn thiện các phương pháp xử lý nấu chảy thành sợi; biến đổi các buồng xử lý nhiệt cũ kỹ trở nên hiện đại hơn với sự ép chặt trực tiếp vào dây chuyền thu sợi. Việc đặt các buồng xử lý này cho phép trên một dây chuyền có thể sản xuất những tấm có biên độ đặc chắc trung bình rộng, từ 50 - 200kg/m³ và bề dày 40 -250mm. Nhiệm vụ khoa học - kỹ thuật phức tạp là thiết lập và áp dụng một cách tổng thể các sản phẩm mới có khả năng liên kết cao hơn về mặt sinh thái và kỵ nước. Vấn đề thay than cốc bằng một thứ nhiên liệu khác rẻ tiền hơn cũng khá nan giải. Theo các chuyên gia, than cốc chiếm tới hơn 40% nguồn nhiên liệu, trong khi đó giá than lại quyết định tới 23% giá thành sản phẩm cuối cùng.

Trong toàn bộ thị trường sợi khoáng, việc sản xuất tại chỗ chiếm tỷ lệ khá cao. Phần lớn các cơ sở sản xuất của Nga bảo đảm cho nhu cầu tiêu dùng trong vùng của mình; và nếu sản lượng của các nhà máy này tăng lên thì sẽ dành để đáp ứng một phần nhu cầu của khu vực lân cận, các nước SNG và châu Âu. Hiện nay, tình trạng phân

bố các nhà máy sản xuất vật liệu cách nhiệt dạng sợi trong cả nước thiếu đồng đều.

Một phần đáng kể vật liệu cách nhiệt trên thị trường nội địa được mua lại của các công ty nước ngoài đang phát triển dây chuyền sản xuất riêng của mình ngay tại Nga. Ưu điểm của việc mua tại chỗ là giảm chi phí cho việc vận chuyển và thuế hải quan, qua đó giảm giá thành sản phẩm và giảm lượng cung tới người tiêu dùng.

Thương mại

Các công ty nước ngoài phát triển dây chuyền sản xuất riêng của mình tại Nga lớn nhất có công ty Ursa Evrazia (thương hiệu URSA), công ty bông khoáng (Rockwool)... Năm 2002, tổ chức phi thương mại "Các nhà sản xuất vật liệu cách nhiệt khoáng hiện đại ROSIZOL" đã được thành lập. Tổ chức đã tập trung hướng các hoạt động của mình vào việc giải quyết các nhiệm vụ trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường, trong đó có việc nghiên cứu và đưa vào áp dụng gói tiêu chuẩn sản xuất trong nước và ứng dụng vật liệu cách nhiệt từ sợi khoáng. Gói này gồm những tiêu chuẩn cho dành cho các thuật ngữ và các định nghĩa, các điều kiện kỹ thuật, phương pháp thử sản phẩm, và phương pháp đánh giá mức độ phù hợp của sản phẩm làm ra. Các tiêu chuẩn đều hướng tới các thông số vật lý của vật liệu cách nhiệt và cho phép áp dụng thực tiễn đánh giá chất lượng của châu Âu đối với các sản phẩm sản xuất trong nước và các sản phẩm nhập theo một phương pháp thống nhất.

Trong thập kỷ vừa qua, thực tế tại Nga, việc sản xuất những vật liệu cách nhiệt hiện đại từ các sợi khoáng đã được cải tiến, với khối lượng đạt tới 90% nhu cầu đối với vật liệu cách nhiệt. Song ngay cả nhu cầu đó cũng tăng lên nhanh chóng - những ưu tiên tiêu dùng hiện nay đang chuyển hướng về phía những sản phẩm có chất lượng cao.

Việc nhập các vật liệu cách nhiệt từ sợi khoáng chiếm khoảng 2,5 -3 triệu m³. Các yếu tố cơ bản kích thích sự tăng trưởng của thị trường vật liệu cách nhiệt ở Nga chính là việc tăng giá các thiết bị năng lượng cũng như biểu thuế đối với các dịch vụ của ngành nhà ở - xã hội, tăng khối lượng xây dựng nhà ở và mạng cung cấp nhiệt lượng, tăng mức thu nhập của người dân.

Sau khủng hoảng của ngành sản xuất vật liệu cách nhiệt trong nước năm 2009, sự hồi sinh của thị trường năng lượng đã đạt được hơn 30% trong 2 năm 2010 -2011: phát triển việc xây nhà tư nhân; tiếp tục thực hiện các chương trình của Liên bang về nhà ở... Hiện nay, chưa thấy xuất hiện trở ngại nào có thể làm chậm tiến độ phát triển của thị trường này trong tương lai. Thị trường tiêu thụ vật liệu cách nhiệt đầy tiềm năng và có triển vọng lâu dài. Khuyến khích sử dụng các vật liệu cách nhiệt có hiệu quả môi trường cao vẫn chiếm ưu thế.

Nadezhda Treskova

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 36 (9/2011)

ND: Lê Minh

Duy trì an toàn sinh thái tại các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt

Vấn đề bảo vệ môi trường xung quanh, bố trí, chôn lấp chất thải rắn (CTR) sinh hoạt là những chỉ tiêu phát triển cơ bản của các nước và các khu vực khác nhau trên thế giới. CTR sinh hoạt hiện nay với khối lượng tăng tỷ lệ thuận với sự tăng trưởng phúc lợi xã hội đang là

vấn đề được xã hội quan tâm đặc biệt. Tại Nga, mỗi năm gần 40 triệu tấn CTR sinh hoạt được hình thành, trong đó chỉ có khoảng 35% là thích hợp để tái chế. Trong khi đó, hiện nay chỉ có khoảng 10% lượng chất thải hình thành được xử lý, còn lại đều đưa ra các bãi và hố chôn lấp, và

diện tích đất dành làm các bãi này cũng tăng lên hàng năm. Theo đánh giá của các chuyên gia, lượng CTR sinh hoạt tại các quốc gia Liên minh châu Âu dao động từ 400-700 kg/đầu người, còn lượng CTR được xử lý để trở thành nguồn nguyên liệu thứ cấp chiếm xấp xỉ 60 - 70% tổng lượng rác thải.

CTR sinh hoạt được hình thành trong hoạt động sống của con người là một hỗn hợp các thành phần phức tạp. Trong thành phần CTR sinh hoạt có: giấy 40%, thực phẩm bỏ đi 20%, thủy tinh, nhựa, gỗ, cao su, vải vụn...Song song với việc nâng cao chất lượng phục vụ cuộc sống con người, nhiều thành phần mới của rác thải cũng xuất hiện, gây ra hiện tượng thiếu đồng nhất trong các khối rác. Trong những năm gần đây, ngành hóa phát triển, việc sản xuất các vật liệu bằng nhựa tăng nhanh. Mà như chúng ta đều biết, các vật liệu bằng nhựa có thời gian phân hủy khá lâu, và khi cháy sẽ thải ra những chất độc hại. Trong những đặc tính của CTR sinh hoạt có tính chất liên kết hóa học, nhờ có phần sợi và sự dính kết giữa các thành phần ướt và dính bám; có tính mài mòn; tính kết dính thành tảng...Trong thời gian dài nằm yên một chỗ, CTR không còn rời tản mà dính chắc lại thành khối (với khả năng tách thấm), mà không cần một tác động bên ngoài nào; còn trong quá trình tiếp xúc lâu rác thải có khả năng ăn mòn kim loại. Hậu quả về mặt sinh thái của các yếu tố cơ học do chất thải gây ô nhiễm môi trường xung quanh không chỉ ở chỗ làm cho bầu không khí thiếu trong lành hoặc là tạo điều kiện cho bệnh tật lây lan, mà còn ở chỗ lượng chất thải này có thể biến thành nguồn gây ô nhiễm thứ phát.

Hiện nay, hệ thống pháp lý của Nga trong việc điều chỉnh hành vi ứng xử của người dân đối với rác thải hướng tới việc duy trì an toàn sinh thái trong việc sử dụng rác, tức là quản lý mọi hoạt động liên quan đến rác thải như một nguồn gây ô nhiễm môi trường. Những thiếu sót cơ bản trong việc bảo đảm về mặt tiêu chuẩn -

pháp lý cho việc sử dụng rác thải đối với các quy định về việc thu gom và xử lý rác là:

- Thiếu các quy chế, quy định cơ sở của chính sách của Nhà nước đối với công tác tổ chức thu gom rác thải nhằm sử dụng rác một cách có ích, như một nguồn nguyên liệu thứ cấp, đồng thời phát triển thị trường này;

- Công nhận quy trình thu gom và xử lý rác thải bằng những công trình quản lý ở cấp toàn Liên bang.

Tác động của con người đối với rác được duy trì ở mức độ xử lý rác thải chính là sự bảo đảm những nguồn nhiên liệu tự nhiên cho ngành công nghiệp của Nga, đặc biệt trong bối cảnh giá của các nguyên liệu cơ bản cũng như nguồn năng lượng - nhiên liệu trên thế giới đang ngày càng tăng cao. Điều này khiến cho việc khai thác nguyên liệu thiên nhiên được thuận lợi hơn so với việc xử lý rác thải thành nguyên liệu thứ cấp.

Các hình thức hoạt động cơ bản trong sử dụng CTR sinh hoạt chính là việc chôn lấp CTR trong các bãi và hố chôn lấp, những nơi mà trong vòng vài chục năm đương nhiên sẽ xảy ra quá trình phân hủy rác thải về mặt sinh hóa và lý hóa, đồng thời với sự phóng xạ của các chất bản vào bầu khí quyển. Việc giảm thiểu các tác động tiêu cực của các bãi chôn lấp CTR tới môi trường thiên nhiên xung quanh cũng như tới sức khỏe của con người trở thành một trong những vấn đề sinh thái lớn của các khu vực đô thị. Liên quan tới vấn đề này, cần hoàn thiện các biện pháp công nghệ - xây dựng tại các bãi chôn lấp CTR sinh hoạt, tăng cường khả năng đảm bảo giảm thiểu sự ô nhiễm môi trường xung quanh, giảm giá thành và nhân lực khi nâng chất lượng bảo vệ môi trường của công trình đang xây.

Xét tình hình thực tế tại các bãi chôn lấp CTR sinh hoạt ở thành phố Penza, để giảm các tác động tiêu cực tới môi trường xung quanh, việc tái thiết các bãi chôn lấp hiện có và xây dựng bãi chôn lấp CTR mới đã được tiến hành.

Bãi chôn lấp (BCL) CTR tại thành phố

Penza được khai thác từ năm 1958. Đây là nguồn lớn nhất làm ô nhiễm mạch nước ngầm của vùng Penza, với diện tích bãi lên tới 17km². Việc xây dựng BCL ở đây được tiến hành mà không hề có sự tính toán các điều kiện thủy văn của khu vực có BCL, các khía cạnh bảo vệ thiên nhiên của công tác bảo vệ môi trường cũng không hề được xem xét; hậu quả là xuất hiện một nguồn ô nhiễm môi trường địa chất (đất và các mạch nước ngầm). Những công việc theo dõi và kiểm tra đã thực hiện trước kia trên các BCL, việc phân tích các chỉ tiêu chất lượng của môi trường thiên nhiên (bầu khí quyển, đất đai...) cho thấy đất tại các bãi chôn lấp có bị nhiễm kim loại nặng, trong bầu khí quyển có các chất độc như formadehide, CO₂, diopxit nitơ, dioxit nitơ, amoniac...Ngoài ra, trên khu vực BCL có thể có trường hợp xuất hiện các đám cháy thải ra khói có kiềm tính. Việc đốt rác tạo khả năng thải ra không khí các chất có độc tính cao như dioxin, mà việc phát hiện ra các độc chất này khá phức tạp và đòi hỏi các thiết bị đắt tiền.

Mục tiêu được đặt ra là hoàn thiện bãi chôn lấp tại thành phố Penza. Các công việc đang được thực hiện đều liên quan tới việc tái thiết bãi chôn lấp CTR sinh hoạt đang vận hành. Nhiệm vụ cơ bản của việc tái thiết là xây dựng một công trình có chức năng chứa (chôn lấp) rác thải theo các yêu cầu hiện hành đối với bãi chôn lấp CTR, có khả năng bảo đảm tình trạng vệ sinh - sinh thái của vùng mà không gây gián đoạn việc thu nhận rác thải. Việc tái thiết bãi chôn lấp được tiến hành qua một số giai đoạn. Ở giai đoạn tái thiết đầu tiên, vị trí bãi chôn lấp hiện hành được khai khẩn lại, rào ngăn cách dưới dạng rãnh khô và thành có chiều cao 2m cũng được xây dựng, đồng thời với việc rải một

lớp chống thấm phía bên trên rác thải dưới dạng tro xỉ. Việc xây dựng bãi chôn lấp mới đáp ứng những yêu cầu được đề ra cho các bãi chôn lấp CTR là giai đoạn tiếp theo của quá trình tái thiết. Để thực hiện điều này, trên khu đất của bãi chôn lấp hiện hành có diện tích 15.000m² người ta đã thực hiện các công việc sau:

- Phân chia khu vực bãi chôn lấp thành những ô chôn lấp CTR;
- Xây các hố móng có lớp chống thấm trong nền và rãnh thoát nước cho việc phân loại và thoát thấm;
- Xây thành hố để bảo vệ khu đất chôn lấp CTR khỏi dòng nước từ phía trên.

Các phương pháp tương tự tuy cần thiết song lại đòi hỏi thời gian thực hiện lâu dài và chi phí lớn. Với mục đích thực hiện các biện pháp tái thiết hố chôn lấp được nêu ra, cần tổ chức việc thu gom rác một cách có lựa chọn tại các vị trí hình thành ra chúng, cho phép giảm thiểu một cách đáng kể những thành phần khoáng trong thành phần chất thải, như là các vật liệu bằng nhựa, kính, kim loại...đồng thời gia tăng tỷ lệ phần trăm các thành phần hữu cơ. Bên cạnh đó, cũng cần có các hoạt động bảo vệ thiên nhiên bao gồm việc kiểm soát thường xuyên bầu khí quyển, đất đai và nước ngầm.

Việc thực hiện công việc tái thiết hố chôn lấp cũng như làm thủ tục giấy tờ theo các điều luật hiện hành làm cho việc thu gom - sử dụng - khử độc - vận chuyển - bố trí rác thải từ cấp 1 đến cấp 4 (theo mức độ an toàn vệ sinh của thành phố Penza) có thể được hợp pháp hóa.

V.X.Demianova

Nguồn: Tạp chí Sinh thái đô thị (Nga)

số 2/2011

ND: Lê Minh

Thiết kế không gian giao lưu trong khu cư trú

Tuyên bố Machu Picchu (đô thị cổ của người Inca ở Peru được tổ chức UNESCO công nhận là Di sản Thế giới) đã chỉ rõ: "... tác dụng tương

hỗ và sự giao lưu giữa mọi người là cơ sở cơ bản để đô thị tồn tại, quy hoạch đô thị và thiết kế nhà ở phải phản ánh được thực tế này". Khu cư trú là

không gian ở tập trung lâu dài của mọi người, mối quan hệ hàng xóm hài hoà và bầu không khí xã hội đều bắt nguồn từ sự giao lưu giữa mọi người với nhau. Khi quy hoạch khu cư trú, cần coi hành vi giao lưu và nét đặc trưng của hoạt động cư dân là một nội dung quan trọng của quy hoạch, đem lại không gian và môi trường thích hợp cho cư dân giao lưu.

I. Những vấn đề còn tồn tại trong giao lưu hàng xóm ở tiểu khu cư trú hiện nay

Kết quả nghiên cứu tâm lý xã hội cho thấy, trong nhu cầu của con người đối với môi trường cư trú, nhu cầu lớn nhất là mối quan hệ tương thân tương ái và giao lưu xã hội giữa mọi người với nhau. Do nhịp điệu làm việc, sinh hoạt ngày càng sôi động và khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, phương thức, biện pháp và đối tượng giao lưu của mọi người cũng thay đổi rất nhiều, quan niệm hàng xóm truyền thống đã bị mờ nhạt. Đa số cư dân trong tiểu khu cư trú đến từ những địa phương khác nhau, làm những công việc khác nhau, có tập quán sinh hoạt khác nhau, thêm vào đó địa điểm và không gian cư trú tách biệt, khiến cho cư dân trong tiểu khu có ít thuộc tính tương đồng, thiếu sự giao lưu rộng rãi và sâu sắc. Tuy điều này có nguyên nhân xã hội, nhưng nguyên nhân từ thiếu mặt bằng giao lưu cũng làm cho mối quan hệ hàng xóm trở nên lạnh nhạt, sự giao lưu trở nên lỏng lẻo.

II. Xây dựng không gian giao lưu nhiều tầng, nhiều con đường

Khi quy hoạch khu cư trú, thiết kế không gian giao lưu đã trở thành một nội dung quan trọng của thiết kế không gian. Nhà ở hiện đại không những cần phải mang lại cho con người không gian cư trú thoải mái thuận lợi mà trong tiểu khu nhà ở còn cần phải có lợi cho việc xây dựng và gìn giữ mối quan hệ hàng xóm hoà hợp. Theo yêu cầu chức năng, không gian của khu cư trú thường được chia ra làm ba cấp: không gian công cộng, không gian nửa công cộng nửa riêng tư, không gian riêng tư. Trong đó, không gian nửa công cộng nửa riêng tư

không phải là nơi công cộng hoàn toàn, tính công cộng của nó bị hạn chế ở một mức độ nhất định. Không gian nửa công cộng trong quần thể nhà ở là nơi chủ yếu cho cư dân trong quần thể giao lưu, vui chơi và giải trí. Vì vậy, các quần thể nhà ở đang dần thu nhỏ lại hoặc phát triển theo kiểu nhà truyền thống ở Bắc Kinh (tứ hợp viện: xung quanh là nhà, giữa là sân chung) trở thành không gian nửa công cộng “của chúng ta”, “của mình”. Sinh hoạt trong không gian như vậy, người ta sẽ có tinh thần tập thể, giữa các hộ sẽ nảy sinh tình cảm thân mật, quan tâm lẫn nhau. Từ thiết kế khu cư trú ở các thành phố miền Nam Trung Quốc, có thể thấy, một số nhà cao tầng quay lại thành một không gian giao lưu rộng lớn, xe cộ đi ở ngoài, đỗ xe ở ngoài hoặc tầng ngầm, về cơ bản bên trong tiểu khu là không gian chung của cư dân.

Làm thế nào để tạo ra không gian giao lưu trong khu cư trú? Có rất nhiều biện pháp. Quảng trường là tiêu chí của khu cư trú, cần phải thiết kế quảng trường thành trung tâm tiểu khu, trung tâm giao lưu, trung tâm giải trí, trung tâm rèn luyện thân thể và trung tâm nghỉ ngơi. Không gian sảnh phải có cảnh đẹp để mọi người dừng lại thưởng ngoạn. Không gian hành lang cần rộng rãi để mọi người sinh hoạt và giao lưu hàng ngày, đồng thời đó cũng là không gian để đi lại. Cần tạo điều kiện cho cư dân tiểu khu giao lưu với nhau. Nói một cách cụ thể, cần phải thiết kế chức năng tương ứng cho cửa ra vào tiểu khu, mở rộng thích đáng diện tích của nó. Mở rộng cục bộ hành lang bên ngoài vừa không gây ảnh hưởng tới giao thông đi lại, vừa có thể có chỗ cho trẻ em chơi đùa, người lớn có nơi giao lưu, người già có chốn nghỉ ngơi. Mở rộng hợp lý các sảnh, tăng thêm không gian nghỉ ngơi, mở rộng chiếu nghỉ cầu thang, xây dựng vườn hoa trên sân thượng... khiến cho chúng trở thành “không gian lập thể” thông suốt từ trên xuống, có trục là cầu thang. Cải tiến nhà ở kiểu hành lang ngoài, tăng thêm không gian

giữa hành lang ngoài và cửa của mỗi hộ, có thể thay đổi chiều cao trong hoặc ngoài nhà, lợi dụng đặc điểm địa hình để hoàn thiện, thiết kế chúng kết hợp với gian cầu thang, vận dụng các thủ pháp như lối lôm, giao thoa..., hình thành không gian nhiều tầng và phong phú. Coi trọng chức năng của sân thượng, hành lang..., khiến chúng trở thành tiêu điểm của tầm nhìn. Trong quần thể cư trú khu vực nửa nhiệt đới, có thể lợi dụng không gian tầng trệt để bố trí khung cảnh môi trường, không những có thể đáp ứng nhu cầu khu vực, mà còn có thể tăng thêm nơi chốn cho cư dân hoạt động, tăng thêm thời gian cho cư dân nghỉ ngơi ở không gian bên ngoài, triển khai hoạt động tự phát hoặc mang tính xã hội.

III. Thiết kế cảnh quan mang lại môi trường sinh thái và thể nghiệm thị giác phong phú cho tiểu khu

Sáng tạo ra nơi gây hứng thú cho cư dân giao lưu, nâng cao chất lượng môi trường, điều này có nghĩa là tạo cơ sở phát triển thuận lợi cho các hoạt động phong phú khác như vui chơi, thể dục thể thao và hoạt động công cộng... Xây dựng các điểm cảnh quan có thể khiến cho mọi người có thể không ngừng thay đổi thị giác, hưởng thụ cái đẹp. Những phương pháp này bao gồm: xây dựng công trình kiến trúc mang tính biểu tượng, quảng trường, công trình phủ xanh, tượng đài, tiểu phẩm điêu khắc, đài phun nước... Khi xây dựng các công trình này, cần phải chọn dùng vật liệu sinh thái mộc mạc, tự nhiên, ví dụ như tạo ra các lối đi rải sỏi... Sáng tạo một vài tiểu phẩm điêu khắc độc đáo nhưng cần phải chú ý sự hài hoà giữa chúng và phong cách chính thể. Xung quanh cảnh quan nước (đài phun nước...), cần bố trí ghế ngồi để cư dân nghỉ chân, khiến cho mọi người có thể thưởng thức cảnh quan lâu hơn và tiến hành các hoạt động khác, tăng thêm điểm nhấn thẩm mỹ.

Môi trường đẹp, tâm trạng vui vẻ rất có lợi cho giao lưu. Trong đó, công trình phủ xanh là bộ phận cấu thành quan trọng của môi trường

không gian giao lưu. Khi thiết kế công trình phủ xanh cho không gian giao lưu, cần quan tâm tới nét đặc trưng hoạt động, tâm lý sử dụng của cư dân và mô thức không gian giao lưu cơ bản. Công trình phủ xanh cần phải kết hợp phủ xanh cảnh quan và phủ xanh sinh thái, bố trí công trình phủ xanh phải chú ý mối quan hệ sinh thái của quần thể thực vật. Tùy theo đặc điểm địa phương, trồng các bụi cây, chậu hoa, thảm cỏ... bốn mùa xanh tươi, nhiều màu sắc, có thể tạo ra môi trường giao lưu tuyệt vời. Bố trí thêm lối đi có giàn hoa, cây cầu nhỏ trên mặt nước tại các quảng trường sẽ làm tăng hiệu quả thẩm mỹ lên rất nhiều. Đặt ghế ngồi dưới bóng cây, bên lùm hoa, tạo môi trường không gian giao lưu cho cư dân. Tóm lại, tiểu khu cư trú cần có cảnh quan đẹp, kết hợp với cảnh quan tự nhiên, tạo nên môi trường sinh thái thú vị.

IV. Tăng cường quan niệm “lấy con người làm gốc”

Thiết kế môi trường cho tiểu khu cư trú cần phải tuân theo nguyên tắc “lấy con người làm gốc”, đó cũng là lấy con người làm trung tâm, thể hiện sự tôn trọng và quan tâm tới con người. Cần phải quan tâm tới nhu cầu của những lứa tuổi khác nhau: bãi cỏ lớn, sân băng và sàn nhảy disco mà thanh niên ưa thích, sân vận động cho cư dân rèn luyện thân thể. Sân chơi cho trẻ cần được bố trí gần nơi gửi trẻ, trẻ em trong tiểu khu chơi chung với trẻ mầm non, có đủ cầu bập bênh, cầu trượt, mê cung, nhà gương, hố cát... Cũng không thể thiếu những phòng cho người già đánh cờ, uống trà... Khi thiết kế công trình công cộng trong tiểu khu nhà ở, cần triệt để quan tâm tới nhu cầu đặc biệt của người già, trẻ nhỏ, người tàn tật... như hành lang không vật cản... Máy bán nước giải khát trong tiểu khu cần có chiều cao khác nhau và dễ thao tác cho mọi đối tượng già trẻ khác nhau. Bố trí một số ghế ngồi và chậu hoa ở không gian nửa công cộng. Xây tường thấp để quây không gian nghỉ ngơi, khiến cho người ta cảm thấy có thể dừng lại ngắm hoa. Cũng có

thể xây mấy toà nhà vây xung quanh thành sân chung, khiến mọi người có cảm giác gần gũi, thu hút cư dân tới đó đi dạo, tạo nên một không gian giao lưu bên ngoài nhà.

Ngoài ra, khi thiết kế không gian bên ngoài, cần phải chú trọng tới đặc điểm tâm lý, sinh lý của người già có tần suất sử dụng cao nhất, xây dựng nơi hoạt động xã hội thích hợp với đặc điểm đó. Có thể thông qua xây dựng một số sân rộng và công trình rèn luyện thân thể, thu hút người già tự giác triển khai các hoạt động xã hội, thúc đẩy người già thêm hứng thú giao lưu, khiến cho cuộc sống họ thêm đậm đà. Cũng cần phải xây thêm điểm vui chơi cho trẻ nhỏ, bố trí các hạng mục tùy theo quy mô của tiểu khu. Các tiểu phẩm kiến trúc và đồ chơi trong điểm vui chơi cần được thiết kế theo hình tượng nhân vật thân thiện hoặc hoạt hình mà các em ưa thích, cũng gián tiếp thu hút người lớn tới đây giao tiếp với nhau, thúc đẩy mối quan hệ hàng xóm phát triển tốt đẹp.

V. Hình thành hệ thống văn hoá cộng đồng lành mạnh

Xây dựng không gian giao lưu có lợi cho việc hình thành môi trường nhân văn tốt đẹp trong tiểu khu. Nhà ở thân thiện với môi trường đòi hỏi phải có hệ thống văn hoá cộng đồng lành mạnh. Muốn tối ưu hoá môi trường cư trú, phải có sự trợ giúp của nền văn hoá cộng đồng kiện toàn và phong phú. Nội dung của nhân tố nhân văn lành mạnh trong tiểu khu nhà ở bao gồm:

- Thiết kế cảnh quan vườn cảnh khu cư trú phải có đủ các nhân tố văn hoá truyền thống ưu tú, làm nổi bật nghệ thuật bản địa. Thay đổi không gian bên ngoài, màu sắc và trang trí công trình xây dựng, xử lý chi tiết phải nhấn mạnh sự tiếp nối văn hoá đô thị, thể hiện một chất lượng văn hoá nhất định, tạo ra nét đặc sắc địa phương trong môi trường không gian chính thể của khu cư trú;

- Khu cư trú cần tổ chức hoạt động văn hoá, giáo dục, thể dục thể thao và vui chơi giải trí đa dạng cho cư dân. Văn hoá cộng đồng cần phải

thể hiện tinh thần nhân văn, cần phải sáng tạo ra nền văn hoá cộng đồng phù hợp với quan niệm giá trị của các nhóm người khác nhau tùy theo nhu cầu văn hoá của các quần thể khác nhau, triển khai nhiều tầng hoạt động cộng đồng, chú trọng thiết kế không gian và môi trường cho giao lưu trong cộng đồng, phấn đấu vì một bầu không khí văn hoá đầy tình thân ái;

- Muốn tối ưu hoá môi trường khu cư trú, phải có cam kết quản lý nhà đất chặt chẽ. Công tác quản lý nhà đất phải đáp ứng yêu cầu của thời đại kinh tế tri thức, thực hiện tự động hoá quản lý nhà đất và cung cấp cho các hộ cư trú những dịch vụ tự động hoá. Cần phải nâng công tác xây dựng môi trường lên tầm cao của nghệ thuật môi trường để tiến hành quy hoạch tổng hợp, nhấn mạnh quy hoạch gắn liền với đời sống, văn hoá, cảnh quan, tạo nên môi trường cư trú giàu nội hàm văn hoá lịch sử và nét đặc sắc tươi rói của khu vực.

VI. Kết luận

Nâng cao chất lượng môi trường cư trú, cải thiện mối quan hệ hàng xóm là đề tài mới của thiết kế quy hoạch khu cư trú. Thiết kế quy hoạch môi trường cư trú cần đi sâu vào các lĩnh vực như xã hội, kinh tế, sinh thái, văn hoá, tâm lý, hành vi..., là công tác mang tính hệ thống và phức tạp. Sự giao lưu, tương thân tương ái giữa con người và con người tượng trưng cho văn minh nhân loại, đó cũng là tiêu chí của đô thị hiện đại. Trong thiết kế hiện nay, đã xuất hiện các quan niệm mới có lợi cho giao lưu của cư dân như “hàng xóm láng giềng”, “đơn nguyên giao lưu”, “sân chung”, cần phải được những người làm công tác quy hoạch và xây dựng quan tâm coi trọng, tạo ra không gian giao lưu thích hợp.

Tạ Hạo

Nguồn: Tạp chí “Quy hoạch đô thị và nông thôn” TQ số 4/2011)

ND: Hoàng Thế Vinh

Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng xây dựng - chiến lược hàng đầu giảm phát thải cacbon của các doanh nghiệp

Ngày 4/8/2011, tại Bắc Kinh, Viện Nghiên cứu hiệu quả xây dựng Johnson Controls đã công bố “Báo cáo điều tra chỉ tiêu hiệu quả năng lượng” năm 2011. Báo cáo này thể hiện rõ, cùng với việc lần lượt đưa ra các chính sách tiết kiệm năng lượng quốc gia và chi phí năng lượng ngày càng tăng cao, các nhà quản lý Trung Quốc đang tích cực sử dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng xây dựng.

Năm ngoái, trong số những biện pháp cụ thể đã được lựa chọn đưa vào sử dụng để cải thiện hiệu quả năng lượng, nếu đem so sánh giữa các doanh nghiệp trong giới kinh doanh và các tổ chức công cộng cho thấy, hành động của các doanh nghiệp trong giới kinh doanh là tích cực hơn, như: cải thiện cơ sở Hệ thống sưởi, thông gió và điều hoà không khí (HVAC) trong xây dựng, sử dụng biện pháp quản lý cung cầu năng lượng, sử dụng mạng điện thông minh và lắp đặt kỹ thuật xây dựng thông minh cho hệ thống năng lượng có thể tái sinh.

Theo điều tra chỉ tiêu hiệu quả năng lượng năm nay, về mặt cắt giảm lượng khí thải Cacbon, các doanh nghiệp và các cơ quan đã áp dụng 3 phương thức hàng đầu đó là: nâng cao hiệu quả năng lượng xây dựng (27%), lắp đặt hệ thống năng lượng có thể tái sinh (15%) và mua năng lượng xanh hoặc năng lượng có thể tái sinh (15%).

Trong số các doanh nghiệp được điều tra, trong 12 tháng qua biện pháp hiệu quả năng lượng được sử dụng nhiều nhất bao gồm: cải thiện hệ thống chiếu sáng (74%), quản lý cung ứng năng lượng và quản lý nhu cầu năng lượng cao điểm (62%) và quản lý kiểm soát đối với thiết bị HVAC (58%).

Theo kết quả điều tra Chỉ tiêu hiệu quả năng lượng hàng năm (EEL) lần thứ 5, cùng với những

dự kiến về chi phí năng lượng, sự lo lắng về an toàn năng lượng không ngừng gia tăng và việc thúc đẩy thực hiện các chính sách của Trung ương, các ban ngành và doanh nghiệp có liên quan của Trung Quốc không ngừng quan tâm tới vấn đề hao phí năng lượng.

EEL là một điều tra mang tính toàn cầu, do Viện Nghiên cứu hiệu quả xây dựng liên kết với Hội Quản lý xây dựng và Hiệp hội Đất đai thành phố, tiến hành điều tra đối với gần 4000 người quản lý và các cơ quan chủ quản xây dựng toàn cầu, trong đó, đối tượng điều tra tại 6 khu vực của Trung Quốc đã lên tới 450 người, trong khi đối tượng điều tra của năm 2010 chỉ có 321 người, điều này thể hiện rõ không gian cải tạo tiết kiệm năng lượng xây dựng của Trung Quốc ngày càng tăng. Điều tra EEL năm 2011 cho thấy, hiệu quả năng lượng xây dựng trở thành chiến lược cao nhất của các doanh nghiệp về giảm phát thải Cacbon. Báo cáo điều tra này chỉ rõ, sự quan tâm của các đối tượng điều tra đối với công trình xây dựng xanh là rõ ràng, 47% đối tượng được điều tra cho biết họ đã lên kế hoạch tiến hành cải tạo bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng mới; 53 % đối tượng điều tra cho biết họ đã lên kế hoạch tiến hành cải tạo bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng hiện có. Ngoài ra, so với năm ngoái, hơn 16% đối tượng điều tra cho biết, họ có ít nhất một công trình xây dựng xanh đã qua chứng thực. Tuy nhiên, trong số những doanh nghiệp được điều tra, có 40% doanh nghiệp cho biết họ không có đủ vốn đầu tư để tiến hành cải tạo tiết kiệm năng lượng xây dựng. Thiếu sự hỗ trợ về tài chính đầy đủ là trở ngại chính khiến các doanh nghiệp phải đối mặt với mục tiêu phát triển hiệu quả năng lượng.

Trước tình hình các doanh nghiệp đối mặt

với vấn đề thiếu vốn cải tạo tiết kiệm năng lượng xây dựng, ông Lôi Định Dũng - Tổng giám sát tiêu thụ của Johnson Controls tại Trung Quốc đã trả lời phóng viên về phương án giải quyết hiệu quả năng lượng toàn cầu: ở Thượng Hải, ngân hàng bảo đảm cung cấp vốn đầy đủ để hỗ trợ doanh nghiệp cải tạo tiết kiệm năng lượng xây dựng và trong kỳ hạn đã định sẽ thu hồi, vì vậy, Thượng Hải thực hiện rộng rãi cải tạo tiết kiệm năng lượng xây dựng tương đối thuận lợi, phương án này đáng được các khu vực khác học hỏi theo.

Thông qua báo cáo điều tra này còn phát hiện, các nhà hoạch định chính sách xây dựng của Trung Quốc đang thực hiện các hạng mục hiệu quả năng lượng, về biện pháp trước mắt (đầu tư thấp, hồi vốn nhanh), như cải tạo chiếu sáng, quản lý cung cầu năng lượng, cải thiện

hành vi; về biện pháp lâu dài (đầu tư lớn, hồi vốn tương đối lâu), như HVAC và cải tiến hệ thống kiểm soát, mạng điện thông minh, kỹ thuật xây dựng thông minh, năng lượng có thể tái sinh tại công trường, cải thiện bảo vệ xây dựng, ...

Dự tính trong 10 năm tới, trong nội dung bảng danh sách hiệu quả ứng dụng năng lượng rộng rãi nhất trên thị trường, có 3 hạng mục được các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc đề cập nhiều là: Hệ thống quang điện năng lượng mặt trời (36%), kỹ thuật xây dựng thông minh (35%) và kỹ thuật chiếu sáng (33%).

Sử Kiều Diễm

*Nguồn: Tạp chí kiến trúc Trung Quốc
số 17/2011*

ND: Kim Nhạn

Tin Xây dựng quốc tế qua mạng Internet

Orascom của Ai Cập nhìn thấy tiềm năng trong lĩnh vực nhà ở giá rẻ của Oman

Công ty cổ phần phát triển Orascom (Ai Cập) nhận thấy tiềm năng trong lĩnh vực nhà ở giá rẻ ở các nước Hồi giáo. Chia sẻ với tờ Nhật báo Muscat tại Diễn đàn người làm chủ Trung Đông năm 2011, ông Samith Sawiris, Chủ tịch kiêm CEO của Orascom cho biết: nhu cầu ngày càng gia tăng về nhà ở tại Oman gắn liền với ngành kinh doanh chính của Orascom Development, đó là xây dựng và giữ gìn thị trấn.

Công ty đã mở thêm chi nhánh về nhà ở giá rẻ Orascom Housing Communities (OHC) vào năm 2006, và đã hoàn thành công việc ở thị trấn đầu tiên vào năm 2007. Công trình đầu tiên này có tên gọi là Thành phố Haram, phát triển trên diện tích 8,5 triệu m² cách thủ đô Cairo 20km về phía tây, và đã cung cấp nhà ở cho 5.000 gia đình.

Ông Sawaris cho biết Orascom không chú trọng tới việc phát triển các căn hộ sang trọng hàng đầu ở các nước Hồi giáo, và còn cho biết thêm công ty đã vừa xây dựng các căn hộ chất

lượng cao hơn ở các khu phức hợp du lịch mà công ty cùng với Omran xây dựng ở Jebel Sifah và bãi biển Salalah thông qua công ty liên doanh Muriya của hai bên.

Ông bày tỏ "Điều duy nhất tôi quan tâm ở các dự án dân sinh ở Oman là nhà giá rẻ hay nhà ngân sách. Đây là lĩnh vực chuyên môn thứ hai của chúng tôi, chúng tôi đã xây dựng được rất nhiều thị trấn ở khu vực này".

Ông Sawaris cho rằng nhà giá rẻ đang "nổi lên" ở các nước Hồi giáo, "vì có rất nhiều ngôi làng cần mở rộng cả về dịch vụ và quy mô". Ông còn nói thêm dự án Phố đi bộ (City Walk) đã chọn được đất ở Seeb, một dãy dài 800m với các cửa hàng, văn phòng và một khách sạn được chuyển tới từ Qurm Heights để tránh lũ lụt. "Chúng tôi vẫn đang chờ được bàn giao đất ở Seeb, tùy thuộc vào việc di dời một số cơ quan đang đóng trên địa bàn hiện nay. Ngay khi việc này hoàn thành, chúng tôi sẽ chuyển tới, tuy nhiên việc này chưa xác định thời gian cụ thể".

<http://www.zawya.com/story.cfm>

Ngành Xây dựng là nhân tố thúc đẩy phát triển kinh tế

Phát biểu trước 80 nghị sĩ và 150 nhà lãnh đạo ngành Công nghiệp xây dựng, Chủ tịch Hiệp hội Sản phẩm Xây dựng nước Anh Bill Bolsover xác định ngành công nghiệp xây dựng là nhân tố chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đồng thời đưa ra các đề xuất giúp chính phủ bắt đầu chương trình hồi phục.

Ông Bolsover nói “Chính phủ cần quan tâm tới các kế hoạch chi tiêu, tái cân bằng nền kinh tế giữa vốn hóa và vốn lưu thông. Theo số liệu thống kê từ chính Chính phủ, chi tiêu hiện tại tăng từ 632 tỉ Bảng trong năm nay lên 694 tỉ Bảng trong năm 2014/2015, trong khi đó vốn lưu thông lại bị cắt giảm từ 61 tỉ Bảng xuống 42 tỉ Bảng trong cùng thời kỳ. Tái cân bằng điều này có thể tạo đường cho gói đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu trị giá 5 tỉ Bảng vẫn đang được bàn thảo rộng rãi”.

Ông cũng kêu gọi chính phủ phải hành động nhiều hơn nữa để thúc đẩy thị trường nhà xây mới. “Dù những thông báo gần đây về việc giải phóng đất công để xây nhà tư rất được chào đón, nhưng điều thực sự cản trở những người mua nhà lần đầu lại không phải là sự phát triển, mà là sự tiếp cận nguồn tài chính. Chính phủ cần kiểm tra và khuyến khích các cách giúp người mua lần đầu có cơ hội mua nhà thông qua một số chương trình cho vay thế chấp đảm bảo bồi thường cho người cho vay hay chương trình tiết kiệm được chính phủ hỗ trợ dành cho đối tượng mua nhà lần đầu”.

<http://www.build.co.uk>

Iran: Sản lượng xi măng tăng

Theo lời người đứng đầu ban giám đốc Hiệp hội ngành Công nghiệp xi măng Iran Guild, ông Mohammad Attabak, doanh thu ngành Công nghiệp xi măng của nước này đạt 341 triệu USD trong nửa đầu năm.

Ông Mohammad Attabak cho biết thêm có khoảng 5.258 tấn xi măng và clanke được xuất

khẩu trong nửa đầu năm nay, tăng 14% so với cùng kỳ năm ngoái. Từ tháng 3/2010 đến tháng 3/2011, Iran đã xuất khẩu 8,6 triệu tấn xi măng, và ước tính tới tháng Ba năm 2012 lượng xi măng xuất khẩu của Iran sẽ đạt 10 triệu tấn.

Ông Attabak cho biết dù Iran đứng đầu khu vực về xuất khẩu xi măng, nhưng cơ sở vật chất của ngành công nghiệp này vẫn chưa phát triển tương xứng.

Ông cho biết sản lượng hàng năm của Nhà máy Xi măng Tehran là 3,7 triệu tấn, dự kiến tăng 1 triệu tấn khi dây chuyền sản xuất thứ 9 đi vào hoạt động vào cuối năm tới.

Hiện Iran đang đứng thứ tư châu Á và đứng thứ 9 trên thế giới về sản xuất xi măng. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Khai khoáng và Thương mại, ông Mehdi Ghazanfari kỳ vọng sản lượng xi măng của Iran sẽ đạt 80 triệu tấn vào cuối năm.

Phát biểu trong buổi lễ khởi công 5 dự án công nghiệp và phát triển tại Nhà máy xi măng Saman ở Kermanshah, có sự tham dự của Tổng thống Mahmoud Ahmandinejad, Bộ trưởng Mehdi cho biết sản lượng xi măng của Iran ước đạt 150 triệu tấn vào năm 2015. Ông nhấn mạnh, với việc đưa vào vận hành nhà máy xi măng Saman và một nhà máy khác ở miền bắc, công suất xi măng của Iran đã tăng từ 72 đến 74,5 triệu tấn/năm. Sản lượng xi măng và xuất khẩu xi măng trong 4 tháng đầu năm nay đã tăng 20% so với cùng kỳ năm ngoái.

Người đứng đầu Tổ chức Nghiên cứu và Phát triển ngành Công nghiệp Than và Khai khoáng, ông Khodamorad Ahmadi cho biết Iran đang xây dựng các nhà máy xi măng ở 9 quốc gia, bao gồm Venezuela, Cuba, Nigeria, Bolivia, Ecuador, Iraq, Libya, Syria và Algeria.

<http://www.zawya.com/story.cfm>

“Siêu cảng” của ngô Luân Đôn sẽ mở cửa cuối năm 2013

Theo tin BBC ngày 4/10/2011, Tập đoàn DP

World - chủ đầu tư công trình xây dựng cảng cửa ngõ Luân Đôn cho biết, công trình sẽ được khánh thành vào cuối năm 2013. Giai đoạn đầu, cảng này có thể thông qua 1,6 triệu container tiêu chuẩn mỗi năm. Sau khi hoàn thành toàn bộ, công suất của cảng là 3,5 triệu container. Dự án xây dựng cảng được khởi công từ tháng 1/2010 trên nền một nhà máy lọc dầu cũ của hãng Shell. Khi hoàn thành, đây sẽ là cảng nước sâu lớn nhất Vương quốc Anh.

Theo DP World, việc mở rộng cửa sông Thames đã tạo ra khoảng 600 chỗ làm và dự tính tăng con số này lên hơn 1.000 trong vài tháng tới, trong đó có 700 chỗ làm tại công trường và 300 chỗ làm tại cảng.

Tập đoàn DP World dự tính, sau khi hoàn

thành, cảng này cùng với một trung tâm dịch vụ hậu cần đi kèm sẽ tạo công ăn việc làm cho khoảng 32.000 người, đóng góp 3,2 tỉ Bảng Anh cho nền kinh tế Anh mỗi năm.

Giám đốc điều hành của DP World, ông Mohammed Sharaf, nói “Cảng cửa ngõ Luân Đôn là một bước phát triển nhảy vọt của chuỗi cung ứng của nước Anh, sẽ đem lại lợi ích lớn cho khách hàng thông qua việc vận chuyển hàng hóa hiệu quả hơn”.

Bộ trưởng Bộ Kinh tế Anh cũng chia sẻ “Dự án sẽ giúp Vương quốc Anh duy trì được lợi thế cạnh tranh, nâng cao năng suất và tăng cường kết nối với châu Á và các vùng xa hơn”.

<http://www.bbc.co.uk/news>

Biên tập tin: Thu Huyền

Hội thảo Quốc gia “Nhà ở công nhân - Thực trạng và giải pháp”

Sáng 17/10/2011, tại thành phố mới Bình Dương, tỉnh Bình Dương, Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản (CSNO&TTBĐS) phối hợp với UBND tỉnh Bình Dương tổ chức Hội thảo Quốc gia “Nhà ở công nhân - Thực trạng và giải pháp”.

Tham dự hội thảo có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng - Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về CSNO&TTBĐS; Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Đặng Ngọc Tùng; đại diện các bộ, ngành Trung ương và lãnh đạo một số địa phương trên toàn quốc; về phía tỉnh Bình Dương tham dự có Bí thư Tỉnh ủy Mai Thế Trung; Chủ tịch UBND tỉnh Lê Thanh Cung; Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Thanh Liêm; Phó Chủ tịch HĐND tỉnh Trần Thị Kim Vân và lãnh đạo các sở, ban, ngành của tỉnh.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng cho biết, trong những năm qua, cùng với các chính sách thu hút đầu tư, mô hình các khu công nghiệp ngày càng phát triển, hiện nay cả nước đã có 260 khu công nghiệp được thành lập, trong đó 174 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động với tổng diện tích đất tự nhiên trên 43.500ha. Các khu công nghiệp được phân bố trên 57 tỉnh, thành phố, tập trung chủ yếu ở 3 vùng kinh tế trọng điểm, trong đó vùng kinh tế trọng điểm miền Nam tập trung nhiều khu công nghiệp nhất, với 124 khu, chiếm gần 48% tổng số khu công nghiệp của cả nước.

Các khu công nghiệp của cả nước đã thu hút được hơn 4.000 dự án có vốn đầu tư nước ngoài, với số vốn đăng ký khoảng 56 tỷ USD, trong đó có hơn 3.000 dự án đã đi vào hoạt động; khoảng 4.400 dự án đầu tư trong nước với tổng số vốn đăng ký đầu tư gần 360.000 tỷ đồng. Các khu công nghiệp đã thu hút được 1,6 triệu lao động trực tiếp và hàng triệu lao động



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Hội thảo

gián tiếp, hàng năm đóng góp hơn 30% giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu tư năm 2011, mặc dù kinh tế trong nước và quốc tế gặp khó khăn do lạm phát, mặt bằng lãi suất ở mức cao, nhưng tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp đã đạt được những kết quả khích lệ, tổng doanh thu đạt gần 15,5 tỷ USD và 80.000 tỷ đồng, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt khoảng 20 tỷ USD, đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước.

Bên cạnh những đóng góp to lớn của các khu công nghiệp trong phát triển kinh tế xã hội thì cũng đã phát sinh nhiều vấn đề bất cập cần được tiếp tục giải quyết, đặc biệt là đời sống vật chất, tinh thần của người lao động trong các khu công nghiệp. Riêng trong lĩnh vực nhà ở, hiện mới có khoảng 20% công nhân có chỗ ở ổn định, còn khoảng 80% phải thuê nhà ở do dân tự xây dựng, hầu hết đều rất chật chội và thiếu tiện nghi. Trong khi đó thu nhập của công nhân lao động còn thấp: 1,5-2 triệu đồng/tháng. Theo báo cáo của các địa phương, 70% công nhân ở các khu công nghiệp là người ngoài tỉnh có nhu cầu về nhà ở. Như vậy số công nhân, lao động tại các khu công nghiệp cả nước có nhu cầu về nhà ở đến năm 2015 ước tính

khoảng 2,65 triệu người và cần khoảng 21,2 triệu m² nhà ở và năm 2020 con số tương ứng là 4,2 triệu người và 33,6 triệu m² nhà ở...

Qua 02 năm thực hiện Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về các cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển nhà ở cho công nhân khu công nghiệp, cả nước chỉ có 27 dự án được khởi công với tổng vốn đầu tư khoảng 3.000 tỷ đồng, tổng diện tích sàn gần 900.000m², giải quyết chỗ ở cho khoảng 140.000 công nhân.

Theo Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng, việc giải quyết vấn đề nhà ở cho công nhân tại các KCN là việc làm hết sức quan trọng. Thông qua hội thảo này sẽ đưa ra được cách giải quyết các vướng mắc, bất cập trong cơ chế, chính sách; đề xuất các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách mới; đề xuất các mô hình đầu tư phát triển nhà ở, công trình văn hóa dành cho công nhân và người thu nhập thấp theo điều kiện thực tế tại địa phương.

Hội thảo đã nghe tham luận của Ban Chính sách -Pháp luật (Tổng LĐLĐ Việt Nam); UBND tỉnh Bình Dương; Thành phố Hà Nội; Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai; ông Phạm Sỹ Liêm - Phó Chủ tịch Tổng Hội Xây dựng Việt Nam; Công ty TNHH quản lý bất động sản Sông Hồng (Redamco-Singapore); TCty Vinaconex; Cty Becamex IDC (Bình Dương). Hội thảo cũng xác định và đưa ra các giải pháp về vai trò của nhà nước, doanh nghiệp sử dụng lao động, doanh nghiệp bất động sản, cộng đồng dân cư xây dựng nhà trọ cho công nhân và người lao động trong việc tham gia xây dựng nhà ở công nhân.



Toàn cảnh Hội thảo

Cần có các chính sách hỗ trợ xây dựng nhà ở thông qua các Luật, Nghị định, trong quản lý quy hoạch đô thị, KCN phải gắn KCN với đô thị và ngược lại, phải có quy hoạch đất xây dựng nhà ở công nhân trong KCN; cần có quỹ nhà ở xã hội(cả nhà ở công nhân) cần thiết để cho thuê; có chính sách khuyến khích doanh nghiệp áp dụng KH-CN mới để giảm giá thành xây dựng nhà ở công nhân phù hợp với thu nhập của họ; có chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế; quản lý chất lượng giá thuê nhà ở trọ...

Cũng theo Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng, trên cơ sở các ý kiến tham luận của các ngành, địa phương, doanh nghiệp, Bộ Xây dựng sẽ trực tiếp xây dựng kế hoạch từng năm, 5 năm và dài hạn về nhà ở, nhà ở xã hội và nhà ở công nhân; các địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể của mình để cân đối nguồn lực thực hiện và nhất là phải xem việc xây dựng nhà ở công nhân là chỉ tiêu bắt buộc thực hiện hàng năm.

Minh Tuấn

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Nam Định là đô thị loại I

Ngày 26/10/2011 tại Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định là đô thị loại I. Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng - Chủ tịch Hội đồng thẩm định về nâng loại đô

thị đã chủ trì Hội nghị, các thành viên của Hội đồng bao gồm đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Giao thông Vận tải, Xây dựng; đại diện các Hội



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng - Chủ tịch Hội đồng phát biểu kết luận Hội nghị

nghe nghiệp ngành Xây dựng: Hội Chiêu sáng đô thị Việt Nam, hội Cấp thoát nước, Hiệp hội các đô thị Việt Nam, Tổng hội Xây dựng Việt Nam.

Tham dự Hội nghị còn có ông Nguyễn Văn Tuấn - Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định, ông Trần Văn Chung - Bí thư Thành ủy thành phố Nam Định, ông Phạm Đình Nghị - Chủ tịch UBND thành phố Nam Định, ông Phạm Gia Thụy - Giám đốc Sở Xây dựng Nam Định.

Theo báo cáo thuyết minh của Đề án, thành phố Nam Định là tỉnh lỵ của tỉnh Nam Định, là đô thị trung tâm Vùng Nam đồng bằng sông Hồng và nằm trong Vùng Duyên hải Bắc Bộ. Qua quá trình xây dựng và phát triển đô thị Nam Định đã được hình thành cách đây 749 năm, thành phố Nam Định đã được công nhận là đô thị loại II từ năm 1998 theo Quyết định số 183/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trong 13 năm là đô thị loại II, Đảng bộ và chính quyền, nhân dân thành phố Nam Định đã tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị, không ngừng nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân thành phố. Trong những năm gần đây, thành phố Nam Định đã có những bước phát triển nhanh trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, tốc độ đô thị hóa cao, phạm vi xây dựng đô thị ngày càng mở rộng. Đối chiếu với các tiêu chí được quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ về phân loại đô thị và Thông tư số



Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định Nguyễn Văn Tuấn phát biểu tại Hội nghị

34/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2009/NĐ-CP thì thành phố Nam Định đã hội đủ các điều kiện để được công nhận là đô thị loại I trực thuộc tỉnh. Việc nâng loại thành phố Nam Định lên đô thị loại I sẽ tạo điều kiện để thành phố Nam Định thu hút các nguồn lực đầu tư xây dựng và phát triển đô thị, xứng đáng vị trí và vai trò là đô thị trung tâm của tỉnh Nam Định và Vùng Nam đồng bằng sông Hồng.

Các báo cáo phản biện do Bộ Nội vụ và Cục Phát triển đô thị - Bộ Xây dựng trình bày tại Hội nghị cũng như ý kiến phát biểu của các thành viên trong Hội đồng đều nhất trí với các nội dung của Đề án, về vị trí chức năng và tầm quan trọng của thành phố Nam Định - thành phố tỉnh lỵ của tỉnh Nam Định và là đô thị trung tâm của Vùng Nam đồng bằng sông Hồng, chỉ ra những mặt mạnh và những điểm mà lãnh đạo tỉnh Nam Định, thành phố Nam Định cần quan tâm chỉ đạo khắc phục để thành phố Nam Định thực sự xứng tầm của đô thị loại I.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng - Chủ tịch Hội đồng thẩm định đề nghị lãnh đạo tỉnh Nam Định và thành phố Nam Định tiếp thu ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng, đẩy nhanh việc lập quy hoạch vùng tỉnh, trong đó làm rõ vai trò của thành phố Nam Định trong mối quan hệ vùng. Trên cơ sở quy hoạch chung được phê duyệt, thành phố Nam Định cần nhanh chóng triển khai các bước tiếp

theo như quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết. Trong quá trình đầu tư phát triển, Nam Định cần hết sức quan tâm đến việc ứng xử với khu vực phố cổ, phố cũ và các di sản văn hóa - lịch sử, nâng cao chất lượng các công trình hạ tầng, phát triển thêm các không gian công cộng, các trung tâm dịch vụ thương mại, có kế hoạch phát triển nhà ở xã hội hàng năm, 5 năm và dài hạn, xây dựng cơ chế tạo vốn và nguồn lực cho phát triển đô thị.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng tổng kết số điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng tại Hội nghị. Với điểm bình quân 88,07, Hội đồng thẩm định quốc gia về nâng loại đô thị đã thông qua Đề án và thống nhất trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận thành phố Nam Định là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Nam Định.

Minh Tuấn

Hội nghị thẩm định Quy hoạch chung khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang đến năm 2030

Sáng ngày 21/10/2011, tại Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị thẩm định Quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu (KKTCK) Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang đến năm 2030. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn - Chủ tịch Hội đồng thẩm định chủ trì Hội nghị

Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định, gồm đại diện của Văn phòng Chính phủ; các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Công Thương. Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang Đàm Văn Bông đã đến dự và phát biểu tại Hội nghị.

Thay mặt đơn vị tư vấn lập Đồ án là Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn Bộ Xây dựng, KTS. Nguyễn Hoàng Long - Chủ nhiệm Đồ án đã báo cáo Hội đồng thẩm định về các nội dung của Đồ án.

Theo đó, phạm vi nghiên cứu của Đồ án là nghiên cứu KKTCK Thanh Thủy trong mối quan hệ giữa Asean với Trung Quốc, giữa miền Bắc Việt Nam với miền Tây Nam Trung Quốc, trực tiếp giữa tỉnh Hà Giang và các khu vực lân cận như Côn Minh, Châu Văn Sơn (Trung Quốc). Phạm vi lập quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính của KKTCK Thanh Thủy, gồm 7 xã: Thanh Thủy, Phương Tiến, Thanh Đức, Xín Chải, Lao Chải, Phong Quang (huyện Vị Xuyên) và Phương Độ (thành phố Hà Giang), với tổng diện tích 28.781 ha.



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn - Chủ tịch Hội đồng thẩm định phát biểu kết luận Hội nghị

Đồ án quy hoạch chung xác định, KKTCK Thanh Thủy là khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực gồm: Thương mại - Dịch vụ - Du lịch - Công nghiệp - Nông lâm nghiệp, tạo thành khu vực thu hút đầu tư và hội nhập quốc tế; cửa ngõ giao thương quốc tế, đầu mối giao thông, xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ quan trọng trên trục liên kết Quốc lộ 2, làm cầu nối giữa tỉnh Vân Nam, Trung Quốc với miền Bắc Việt Nam và hành lang Biển Đông, giữa các nước Asean và với các nước Đông Bắc Á; một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, du lịch có cơ sở hạ tầng đồng bộ, các khu vực tập trung xây dựng trong Khu đạt tiêu chuẩn tối thiểu theo đô thị miền núi loại IV; khu vực phát triển bền vững, gắn phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh quốc phòng, môi trường

sinh thái bền vững.

Về chức năng, Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy được xác định là đầu mối trung chuyển, xuất nhập khẩu hàng hóa và hành khách trên trục Quốc lộ 2 nối biển Đông, miền Bắc Việt Nam với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, là cầu nối giao lưu văn hóa, du lịch giữa các nước Asean với Trung Quốc; khu vực phát triển du lịch sinh thái, thu hút khách du lịch đến với Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Côn Lĩnh, Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Quang và các khu vực lân cận khác như thành phố Hà Giang, Vị Xuyên, Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đổng Vần; khu vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với các loại hình chế biến nông lâm sản, khoáng sản ... hướng tới xuất khẩu nhằm đem lại giá trị kinh tế cao cho vùng nguyên liệu trong tỉnh Hà Giang và các khu vực lân cận; trung tâm hành chính, giáo dục đào tạo, văn hóa, thể dục thể thao... của khu vực với cơ sở hạ tầng xã hội, kỹ thuật đồng bộ, gắn kết với thành phố Hà Giang; khu vực có vai trò giữ gìn hệ sinh thái đa dạng, bảo vệ môi trường cho khu vực và các tỉnh hạ du sông Lô, sông Hồng.

Phát biểu tại Hội nghị, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang Đàm Văn Bông cho biết, Hà Giang là một tỉnh nghèo và khó khăn nhất cả nước nhưng lại có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm phát triển kinh tế cửa khẩu, công nghiệp và du lịch. Hiện nay, Hà Giang đang phải đối mặt với một số khó khăn trong quá trình phát triển như: các cửa khẩu của Hà Giang tiếp giáp với các tỉnh nghèo của Trung Quốc gồm Vân Nam và Quảng Tây, các nguồn lực đầu tư thấp, cơ sở hạ tầng yếu kém, công tác quy hoạch với quy mô nhỏ kém thu hút đầu tư. Hiện nay, Vân Nam là cửa ngõ để Trung Quốc xâm nhập vào các nước Đông Nam Á, và khu vực này đã và đang được Chính phủ Trung Quốc quan tâm đầu tư phát triển. Do đó, việc mở rộng cửa khẩu kinh tế Thanh Thủy là một nhu cầu bức thiết với Hà Giang vì đây là cơ sở để thu hút đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, giao lưu kinh tế và hàng hoá, thúc



Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang Đàm Văn Bông phát biểu tại Hội nghị

đẩy xuất nhập khẩu và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hoá, tạo động lực phát triển kinh tế với tốc độ cao đồng thời lôi kéo các vùng khác phát triển.

Hội đồng thẩm định cũng đã được nghe hai báo cáo phản biện về mặt kiến trúc và kỹ thuật đối với Đồ án Quy hoạch chung KKTCK Thanh Thủy và ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng. Nhìn chung các báo cáo phản biện và các thành viên Hội đồng đều nhất trí về sự cần thiết phải phát triển KKTCK Thanh Thủy, đồng thời đánh giá, Đồ án Quy hoạch chung KKTCK Thanh Thủy đã được nghiên cứu đồng bộ, hợp lý, phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy chuẩn xây dựng hiện hành.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng thẩm định - Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đã đề nghị UBND tỉnh Hà Giang chỉ đạo đơn vị tư vấn tiếp thu các ý kiến góp ý của Hội đồng, đánh giá kỹ hơn về hiện trạng địa hình và tình hình khai thác, sử dụng KKTCKhai bên biên giới Việt-Trung để từ đó có định hướng phát triển tốt hơn, nội dung khai thác du lịch trong Đồ án cũng chưa rõ ràng, cần bổ sung các định hướng về cơ chế chính sách đầu tư phát triển du lịch, y tế, giáo dục đối với Khu kinh tế, khẩn trương điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện Đồ án trình Bộ Xây dựng để Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Kim Nhuận

Hội thảo “Nghị định về giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép xây dựng”

Ngày 21/10/2011 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội thảo “Nghị định về giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép xây dựng”. Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã đến dự và phát biểu chỉ đạo.

Tham dự Hội thảo còn có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh, đại diện các Bộ ngành Trung ương, Tổng hội Xây dựng Việt Nam và các Hiệp hội, hội chuyên ngành, các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng, các Sở Xây dựng các tỉnh từ Thừa Thiên Huế trở ra.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết, trong công cuộc đổi mới ở nước ta, đô thị hoá và đầu tư xây dựng ở đô thị diễn ra mạnh mẽ, chất lượng công tác đầu tư và xây dựng đã ngày một tốt hơn. Tuy nhiên thực tế thời gian qua cho thấy, công tác quản lý đầu tư xây dựng cũng còn những bất cập, tình trạng xây dựng không phép, sai phép còn diễn ra tại nhiều đô thị.

Nghị định về giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép xây dựng được soạn thảo trong bối cảnh đó. Nghị định là một nội dung quan trọng của chế tài quản lý, lập lại trật tự trong xây dựng, sử dụng hiệu quả các nguồn lực như vốn, tài nguyên, đất đai, con người,... khắc phục thất thoát lãng phí và nâng cao chất lượng sản phẩm xây dựng.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đề nghị Ban soạn thảo Nghị định tiếp thu ý kiến đóng góp của các đại biểu dự Hội thảo và tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành.

Báo cáo tại Hội thảo, ông Hoàng Thọ Vinh - Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý hoạt động xây dựng Bộ Xây dựng - Trưởng ban soạn thảo Nghị định cho biết, sau khi hoàn thành dự thảo lần thứ nhất của Nghị định, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến của các Bộ ngành liên quan



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu khai mạc Hội thảo

và các địa phương, đã tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo. Hội thảo lần này được tổ chức để lấy ý kiến đóng góp cho bản dự thảo đã được chỉnh sửa, bổ sung và tiếp tục hoàn chỉnh nội dung trước khi trình Thủ tướng xem xét, ban hành.

Dự thảo Nghị định gồm 5 chương với 32 điều quy định về giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng mới; sửa chữa, cải tạo sử dụng mọi nguồn vốn; các hoạt động liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã đóng góp ý kiến cho 19 nội dung mà Ban Soạn thảo đề nghị cần thảo luận thêm, trong đó có những vấn đề như khái niệm cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, điều kiện để cấp giấy phép xây dựng, các loại giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quy trình cấp giấy phép xây dựng, việc cấp lại giấy phép, thẩm quyền cấp giấy phép,...

Các đại biểu cho rằng việc soạn thảo và ban hành Nghị định là rất cần thiết, nhằm bảo đảm sự thống nhất của hoạt động xây dựng trên phạm vi cả nước đồng thời sẽ giải quyết được nhiều vướng mắc trong công tác đầu tư xây dựng nói chung và tại các thành phố lớn nói

riêng. Bộ cục của dự thảo có vai trò bảo đảm sự thống nhất và đồng bộ trong công tác quản lý hoạt động xây dựng do vậy cần được quan tâm nâng cao tính khoa học, đổi chỗ trình tự các điều còn chưa hợp lý cần khắc phục.

Các ý kiến đóng góp cũng cho rằng dự thảo cần được tiếp tục hoàn chỉnh nhằm phù hợp hơn với thực tế xây dựng ở nước ta nói chung và nhất là tại các địa phương, qua đó sẽ giúp Nghị định nhanh chóng đi vào cuộc sống. Trong đó có ý kiến kiến nghị khi cấp giấy phép xây dựng cần lưu ý tình trạng các công trình dân dụng được xây dựng sau nhưng lại cản trở hoạt động của công trình quốc phòng đã được xây dựng trước đó; đồng thời khuyến nghị dự thảo nên lưu ý một số vấn đề sau: Không cấp giấy phép tạm khi đất đã có quyết định thu hồi; công trình tạm phục vụ cho công trình chính phải được chủ đầu tư phê duyệt mới được cấp giấy phép xây dựng; hiện nay ngoài vốn nhà nước cấp còn nhiều loại nguồn vốn đầu tư khác nên cần đưa mảng đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn ngoài nhà nước vào Nghị định; Nghị định cũng cần làm rõ hơn khái niệm về các loại giấy tờ về quyền sử



Toàn cảnh Hội thảo

dụng đất và tránh can thiệp sâu vào hoạt động của các chính quyền địa phương để không gây khó khăn cho chính quyền địa phương trong công tác quản lý xây dựng;....

Phát biểu kết luận Hội thảo, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh cho rằng ý kiến đóng góp của các đại biểu là rất quan trọng, hữu ích và có ý nghĩa thiết thực. Bộ Xây dựng và Ban soạn thảo sẽ xem xét, tiếp thu ý kiến để tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo Nghị định.

Huỳnh Phước

Hội nghị thẩm định Đề án Quy hoạch chung xây dựng Khu Công nghệ cao Đà Nẵng

Ngày 20/10/2011 tại Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị thẩm định Đề án Quy hoạch chung xây dựng Khu Công nghệ cao Đà Nẵng. Tham dự Hội nghị có đại diện của Văn phòng Chính phủ; các Bộ: Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Quốc phòng, Giao thông- Vận tải, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam; UBND thành phố Đà Nẵng. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn - Chủ tịch Hội đồng thẩm định chủ trì Hội nghị.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng Phùng Tấn Việt cho biết, được sự quan tâm của Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương, UBND thành phố Đà Nẵng trong



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn phát biểu kết luận Hội nghị

những năm qua đã tập trung nhiều nguồn lực để xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành một thành phố động lực của khu vực miền

Trung. Thủ tướng Chính phủ đã cho phép Đà Nẵng xây dựng một khu công nghệ cao nhằm tạo điều kiện cho Đà Nẵng thu hút các nhà đầu tư, hình thành một trung tâm quốc gia về công nghệ cao ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên - một trong ba khu công nghệ cao của cả nước.

Căn cứ chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, UBND thành phố Đà Nẵng đã giao Viện Quy hoạch Xây dựng Đà Nẵng nghiên cứu lập Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu Công nghệ cao Đà Nẵng, xin ý kiến Bộ Xây dựng và Hội đồng thẩm định để hoàn thiện Đồ án.

Thay mặt đơn vị tư vấn lập Đồ án, Giám đốc Sở Xây dựng Đà Nẵng Nguyễn Ngọc Tuấn đã trình bày tóm tắt thuyết minh Đồ án trước Hội đồng thẩm định, gồm các phần: Sự cần thiết lập quy hoạch, nhiệm vụ quy hoạch, điều kiện tự nhiên và hiện trạng, định hướng phát triển không gian, phân kỳ đầu tư.

Theo đó, Khu Công nghệ cao Đà Nẵng có phạm vi lập quy hoạch là 1.010 ha trên địa bàn hai xã Hòa Liên, Hòa Ninh thuộc huyện Hòa Vang, nằm bên tuyến đường cao tốc Đà Nẵng - Dung Quất nối liền các khu kinh tế trọng điểm miền Trung, cách trung tâm thành phố Đà Nẵng 22km, cách cảng Tiên Sa 25km và cách Sân bay quốc tế Đà Nẵng 17km.

Khu Công nghệ cao Đà Nẵng nằm ở trung tâm vùng kinh tế trọng điểm của khu vực miền Trung, có tính hấp dẫn cao, quỹ đất dự trữ đáp ứng được nhu cầu phát triển. Trong khu vực đã và đang hình thành nhiều dự án đầu tư quan trọng, quy mô lớn. Khu vực là nơi có điều kiện hạ tầng tương đối tốt, có môi trường sinh thái hài hòa với cảnh quan thiên nhiên. Diện tích của khu vực quy hoạch chủ yếu là đất hoang hóa, đất đồi, diện tích đất nông nghiệp khoảng 15 ha, chiếm 1,53%.

Theo Đồ án quy hoạch chung, Khu Công nghệ cao Đà Nẵng gồm 8 phân khu chức năng: khu sản xuất công nghệ cao; khu nghiên cứu phát triển - đào tạo và vườn ươm công nghệ;

khu quản lý - dịch vụ công nghệ cao; khu ở; khu cây xanh, mặt nước, công viên; giao thông, sân, bãi đậu xe; khu công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối; và khu hậu cần. Không gian kiến trúc - cảnh quan của Khu Công nghệ cao được tổ chức thoáng đãng, mật độ xây dựng thấp, nhiều mảng cây xanh và hồ nước. Diện tích khu vực nghiên cứu, đào tạo và sản xuất công nghệ cao chiếm trên 50% diện tích đất xây dựng, phần còn lại là đất cây xanh và các loại đất khác.

Sau khi nghe báo cáo thuyết minh Đồ án, các thành viên Hội đồng đã nghe các báo cáo phản biện của các chuyên gia Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng và Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, đồng thời phát biểu góp ý cho Đồ án. Nhìn chung các báo cáo phản biện và các thành viên Hội đồng thẩm định đều nhất trí nhận định: việc hình thành Khu Công nghệ cao Đà Nẵng là cần thiết và quan trọng, về cơ bản, Đồ án đã được nghiên cứu đồng bộ, hợp lý, phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy chuẩn xây dựng hiện hành.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng - Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đã đánh giá Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu Công nghệ cao Đà Nẵng bám sát được nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt, định hướng phát triển không gian trong Đồ án được trình bày rõ ràng. Tuy nhiên, trong báo cáo thuyết minh, đơn vị tư vấn cần làm nổi bật hơn về mục tiêu của Đồ án, bổ sung kinh nghiệm nước ngoài về xây dựng khu công nghệ cao (Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan) vào trong hồ sơ, thể hiện rõ ràng hơn phân khu chức năng trong các bản vẽ. Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn cũng đề nghị UBND thành phố Đà Nẵng chỉ đạo đơn vị tư vấn lập Đồ án tiếp thu các ý kiến góp ý của Hội đồng, khẩn trương điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện Đồ án trình Bộ Xây dựng để Bộ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Minh Tuấn

Dự trừ thuế - vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với các doanh nghiệp bất động sản Trung Quốc

Dự trừ thuế là hoạt động quản lý tài chính của doanh nghiệp. Dự trừ thuế có nghĩa là trong phạm vi pháp luật cho phép, doanh nghiệp bố trí một cách có hệ thống các khoản phải nộp thuế của mình nhằm mục đích đạt được lợi ích kinh tế hợp pháp và lớn nhất. Nội dung chủ yếu bao gồm tránh thuế, hạn chế mức thuế, tránh “cạm bẫy” thuế, chuyển dịch rủi ro thuế... So với các ngành sản xuất khác, phát triển bất động sản huy động tổng hợp các nguồn tài nguyên xã hội, sử dụng một lượng lớn tiền vốn, liên quan tới nhiều lĩnh vực, hơn nữa có tương đối nhiều ngành sản xuất hữu quan và chu kỳ kinh doanh khá dài. Trong quá trình kinh doanh, phát triển và quản lý bất động sản, vận dụng sách lược dự trừ thuế một cách thích hợp có thể tiết kiệm cho doanh nghiệp nhiều khoản thuế phải nộp, mang lại lợi ích kinh tế lớn hơn cho doanh nghiệp.

I. Những ý nghĩa quan trọng của việc dự trừ thuế đối với doanh nghiệp bất động sản

1.1. Dự trừ thuế là một trong những biện pháp không thể thiếu để doanh nghiệp bất động sản giảm bớt các khoản thuế phải nộp, tăng thêm lợi nhuận

Doanh nghiệp bất động sản liên quan đến hơn 7 loại thuế, chúng khác nhau về tỷ lệ thuế, chính sách chiết khấu dành cho chúng cũng khác nhau. Bởi vậy, nắm vững toàn diện các loại thuế liên quan với nghiệp vụ kinh doanh bất động sản, biết rõ và chính xác tỷ lệ của từng loại thuế phải nộp, tìm hiểu phân tích chính sách ưu tiên chiết khấu, lập kế hoạch nộp thuế của doanh nghiệp một cách toàn diện, thông qua dự trừ thuế, giảm bớt chi phí cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tăng thêm lợi nhuận và nâng cao sức cạnh tranh, đó cũng là một trong những nội dung chủ yếu của công tác quản lý tài chính doanh nghiệp.

1.2. Dự trừ thuế là biện pháp hữu hiệu để thúc đẩy các doanh nghiệp bất động sản

chấp hành quy định của pháp luật thuế và chế độ tài chính của Nhà nước tốt hơn

Công tác xây dựng chế độ thuế Trung Quốc đang trong giai đoạn không ngừng phát triển hoàn thiện. Ứng với những giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội khác nhau, cũng có những biện pháp điều tiết thuế khác nhau. Do vậy, doanh nghiệp cần lựa chọn thời cơ, hết sức quan tâm tới các chính sách mới nhất của Nhà nước về thuế. Mỗi khi Luật thuế có đôi chút thay đổi, người dự trừ thuế phải áp dụng biện pháp tương ứng vì lợi ích kinh tế của người nộp thuế, nhanh chóng đưa dự trừ thuế vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Xét về mặt này, về khách quan, công tác dự trừ thuế đã phát huy tác dụng quán triệt pháp quy pháp luật thuế một cách nhanh hơn và tốt hơn. Năm 2006, Trung Quốc ban hành “Tiêu chuẩn kiểm toán doanh nghiệp” mới, các doanh nghiệp đã tích cực chấp hành. Cả 38 tiêu chuẩn cụ thể đều có quy định về việc xác nhận và đánh giá các nghiệp vụ kinh doanh khác nhau, đó là cơ sở pháp luật để hạch toán tài chính doanh nghiệp. Vì vậy, muốn làm tốt việc dự trừ thuế, phải thực sự tích cực chấp hành “Tiêu chuẩn kiểm toán doanh nghiệp”, phân bổ giá thành theo quy định của pháp luật, hạch toán chính xác và hợp lý mức thuế. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng cần tự giác, chủ động chấp hành pháp quy mới về kiểm toán thuế, quán triệt triệt để, kết hợp vận dụng hai pháp quy nói trên, hạch toán chính xác mức thuế, nộp thuế theo quy định của pháp luật, tránh thuế một cách hợp lý.

1.3. Dự trừ thuế là nội dung quan trọng không thể thiếu trong công tác quản lý kinh doanh của doanh nghiệp

Tuy biểu hiện cuối cùng của dự trừ thuế là thông qua hạch toán tài chính để giảm bớt mức thuế phải nộp, nhưng thực ra nó liên quan tới mọi mặt kinh doanh của doanh nghiệp, bao

gồm sách lược kinh doanh, quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, quá trình doanh nghiệp mua nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm, quá trình sản xuất của doanh nghiệp, khách hàng kinh doanh tiêu thụ sản phẩm doanh nghiệp, nhân viên tài vụ, nhân viên lưu thông tiền vốn.

Có thể thấy, dự trữ thuế là nội dung quan trọng không thể thiếu trong công tác quản lý kinh doanh của doanh nghiệp. Nó có tính chỉnh thể của quản lý doanh nghiệp và tính hệ thống của chiến lược kinh doanh doanh nghiệp. Nó còn là một trong những nội dung cốt lõi không thể thiếu được trong quản lý doanh nghiệp hiện đại. Vì vậy, doanh nghiệp dự trữ thuế có lợi cho việc đẩy mạnh tính hệ thống, tính cân đối và tính chỉnh thể của các tầng quản lý doanh nghiệp, có lợi cho việc hình thành nét văn hoá doanh nghiệp độc đáo, càng có lợi cho việc thúc đẩy quản lý hiện đại hoá doanh nghiệp.

II. Phân tích các pháp luật về dự trữ thuế doanh nghiệp bất động sản

Để giải nghiệp vụ phát triển bất động sản, cần phải có lý luận chính xác, đồng thời phải có kiến thức về pháp luật, thuế, kiểm toán, tài vụ, lưu thông tiền vốn..., đặc biệt phải nắm vững quy định của các luật hữu quan như luật thuế, luật kiểm toán, luật công ty, luật hợp đồng kinh tế, luật chứng khoán..., phải nắm chắc các khâu trong nghiệp vụ như kinh doanh, đầu tư, tiêu thụ sản phẩm, xử lý kiểm toán, lịch sử nộp thuế..., có năng lực trừ tính toàn diện và thống nhất. Mặt khác, bản thân luật thuế cũng tồn tại khả năng dự trữ thuế vì luật thuế do con người đề ra, chịu sự ảnh hưởng bởi “tri thức hữu hạn” và “nhận thức hữu hạn”. Vận dụng chính sách thuế của Nhà nước như thế nào để dự trữ thuế cho quá trình tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp bất động sản, cuối cùng đạt tới mục đích giảm nhẹ gánh nặng thuế, đây là vấn đề mà doanh nghiệp bất động sản phải giải quyết trước tiên trong quản lý thuế hiện nay. Người lập dự trữ phải hiểu sâu về hình thức, nội dung và phương pháp quản lý thuế, thu thuế của

Nhà nước, chỉ có như vậy mới có thể tiến hành dự trữ thuế một cách hợp lý và hợp pháp nhằm hạ thấp chi phí cho doanh nghiệp, giảm nhẹ gánh nặng thuế. Không được quan liêu khi lập dự trữ thuế, phải kiên trì nguyên tắc dựa vào luật, phải tuân thủ các luật và pháp quy của Nhà nước, kết hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp bất động sản để giành được hiệu quả định trước.

III. Những suy nghĩ thông thường của doanh nghiệp bất động sản khi dự trữ thuế

Dự trữ thuế là nghiệp vụ quản lý tài chính có tính chuyên ngành rất cao, phải tiến hành theo quy định của pháp luật và căn cứ vào đặc điểm nghiệp vụ kinh doanh của doanh nghiệp, phải hợp pháp, hợp lý, toàn diện và cụ thể, cần phải tuân theo nguyên tắc tổng hợp, kinh tế và chỉnh thể, cần phải dự trữ thuế từ trước, phân tích tình hình cụ thể. Công tác dự trữ thuế của doanh nghiệp bất động sản có thể triển khai thông qua cố vấn dự trữ thuế, chuyên gia thuế, chuyên gia kiểm toán, luật sư thuế, chuyên gia chuyên ngành trong doanh nghiệp..., tùy theo tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp. Doanh nghiệp bất động sản là những doanh nghiệp mới nổi ở đô thị. Nghiệp vụ kinh doanh của họ liên quan tới kiến thức chuyên ngành của nhiều mặt như công trình xây dựng, xây dựng đô thị, pháp luật kinh tế, thuế, kiểm toán, tài chính ... đòi hỏi nhân viên dự trữ thuế phải hiểu rõ về Luật Thuế, Luật Kiểm toán tài chính, Luật Công ty, Luật Hợp đồng kinh tế, Luật Chứng khoán..., còn phải nắm chắc các khâu trong nghiệp vụ như kinh doanh, đầu tư, tiêu thụ sản phẩm, xử lý kiểm toán, quá trình nộp thuế..., có năng lực trừ tính toàn diện và thống nhất, khi dự trữ thuế cần phải kịp thời nắm bắt khả năng dự trữ thuế còn tồn tại trong bản thân luật thuế.

3.1. Triệt để lợi dụng chính sách, phân bổ giá thành hợp lý theo quy định của pháp luật

Căn cứ đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp bất động sản, cần nắm bắt chính sách ưu tiên, ưu đãi thuế, phân bổ chi phí hợp lý theo quy định của pháp luật để giảm bớt số thuế

phải nộp. Theo quy định của Luật Thuế hiện hành của Trung Quốc, khoản vốn vay đầu tư cho phát triển bất động sản được tính vào giá thành phát triển bất động sản hữu quan, nếu nó phát sinh trước khi bất động sản hoàn thành. Doanh nghiệp phát triển bất động sản phải huy động tiền vốn từ rất nhiều nguồn. Khi lưu thông tiền vốn đầu tư, người nộp thuế cần cân nhắc cái lợi, cái hại của các phương án đầu tư khác nhau, vừa phải xem xét các khoản thuế vừa phải nghiên cứu tính khả thi và hiệu quả làm việc. Họ có thể dễ dàng tính được và xử lý được khoản tiền lãi vốn vay của các cơ quan tài chính do có số liệu lãi suất ngân hàng, nhưng về lãi suất tiền vốn vay từ các con đường khác, nhất định phải có đầy đủ chứng từ hợp pháp mới có thể tính vào chi phí.

3.2. Vận dụng các chính sách ưu đãi thuế, vạch ra sách lược kinh doanh

Doanh nghiệp phát triển bất động sản chủ yếu phải nộp thuế doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế công chứng, thuế giá trị gia tăng đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xây dựng đô thị, thuế phụ gia chi phí giáo dục, thuế hợp đồng..., thuế suất của mỗi loại khác nhau, chiết khấu do chính sách ưu tiên cũng khác nhau. Nắm vững pháp luật, chính sách của các loại thuế, hiểu chính xác về biện pháp chiết khấu và tính toán là nội dung then chốt của dự trù thuế. Sách lược kinh doanh khoa học, hoạt động kinh doanh tiêu thụ hợp pháp có thể khiến cho doanh nghiệp giành được hiệu quả sau thuế lớn hơn. Sự phát triển gần đây của ngành bất động sản Trung Quốc cho thấy, toàn bộ thị trường bất động sản có đặc điểm chủ đạo là cạnh tranh về sản phẩm và giá cả. Nhà ở do doanh nghiệp bất động sản kinh doanh và xây dựng có thể áp dụng giá cả tiêu thụ khác nhau.

3.3. Tích cực chủ động tập hợp các chứng từ chi phí hợp lý, tiến hành khấu trừ chi phí trước thuế theo quy định của pháp luật

Quản lý tốt sẽ nâng cao hiệu quả doanh nghiệp, không ngừng hoàn thiện quản lý kinh

doanh sẽ giúp doanh nghiệp tăng thêm chi phí tính thuế. Ví dụ, năm 2009 một công ty phát triển bất động sản thuê của công ty khác hai xe cần cẩu, chi tiền kiểm tra bảo dưỡng định kỳ hàng năm, tiền bảo dưỡng đường, thuế xe, tiền bảo hiểm, tiền xăng dầu, tiền cầu đường... Để có được các chứng từ hợp pháp, giảm bớt số thuế phải nộp, công ty bất động sản đã ký hợp đồng thuê xe với công ty kia, thu thập các biên lai về chi phí hợp lý, nhờ đó giảm được số thuế phải nộp.

IV. Nội dung chủ yếu của dự trù thuế doanh nghiệp bất động sản

Doanh nghiệp phát triển bất động sản phải nộp nhiều loại thuế như thuế giá trị gia tăng đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế doanh nghiệp, thuế bất động sản, thuế hợp đồng.... Căn cứ vào nguyên tắc dự trù thuế và các nguyên tắc cần phải tuân thủ khác, doanh nghiệp bất động sản chú trọng vào từ các loại thuế chủ yếu, tiến hành dự trù thuế để đạt được mục tiêu giảm bớt chi phí thuế.

4.1. Thuế giá trị gia tăng đất đai

Khoản 1 điều 8 “Điều lệ tạm thời về thuế giá trị gia tăng đất đai nước CHND Trung Hoa” quy định: Miễn thuế giá trị gia tăng đất đai nếu bán nhà ở tiêu chuẩn thông thường do người nộp thuế xây dựng và mức giá trị gia tăng không vượt quá 20% tiền hạng mục; nếu mức giá trị gia tăng vượt quá 20% tiền hạng mục, toàn bộ giá trị gia tăng đều phải tính thuế theo quy định.

Tỷ lệ giá trị gia tăng (mức giá trị gia tăng và tỷ lệ phần trăm cho phép khấu trừ tiền dự án) là 20%, được gọi là “điểm giới hạn”. Hiệu ứng thuế của điểm giới hạn quyết định tồn tại không gian dự trù thuế. Có ba phương pháp thay đổi tỷ lệ giá trị gia tăng. Một là định giá hợp lý, doanh nghiệp cần phải căn cứ vào tình hình thực tế, so sánh và hạ thấp giá nhà, từ đó khống chế tỷ lệ giá trị gia tăng dưới 20%. Hai là tăng thêm mức khấu trừ, mở rộng hợp lý giá thành phát triển nhà đất, tăng thêm đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ. Như vậy, không những có thể tăng thêm mức

khấu trừ, mà còn có thể cải thiện môi trường nhà ở, tăng thêm sức cạnh tranh trên thị trường. Theo quy định của “Quy định cụ thể tạm thời về thực hiện thuế giá trị gia tăng đất đai”, trong giá thành phát triển nhà đất bao gồm rất nhiều nội dung có thể khấu trừ như: tiền bồi thường đất và di dời, chi phí chuẩn bị dự án, chi phí xây lắp công trình, tiền xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng công cộng, chi phí gián tiếp... Ngoài ra, còn có chi phí tiêu thụ, chi phí quản lý, chi phí phát triển nhà đất, được hạch toán lỗ lãi của giai đoạn đó, cho phép được khấu trừ trước thuế. Việc nâng cao hợp lý chi phí trong giai đoạn đó, tăng cường tuyên truyền, nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh cũng có thể đạt được mục đích tăng thêm mức khấu trừ.

Điều 30 của “Thông tư của Bộ Tài chính, Tổng cục thuế Nhà nước quy định cụ thể về thuế giá trị gia tăng đất đai” quy định: phải hạch toán riêng mức giá trị gia tăng nếu người nộp thuế vừa xây dựng nhà ở theo tiêu chuẩn thông thường vừa làm các công việc phát triển nhà đất khác. Nếu không hạch toán riêng mức giá trị gia tăng hoặc không thể hạch toán chính xác mức giá trị gia tăng, nhà ở thông thường do họ xây dựng không được miễn thuế theo khoản 1 điều 8 của “Điều lệ tạm thời về thuế giá trị gia tăng đất đai nước CHND Trung Hoa”. Có thể hạch toán riêng để tạo ra sự khác biệt về thuế hay không, doanh nghiệp phải căn cứ vào mức tiêu thụ của hai loại nhà ở và số tiền có thể khấu trừ để quyết định.

4.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Biến trao tặng, quyền góp bằng tiền mặt bằng trao tặng, quyền góp bằng hiện vật

Căn cứ vào quy định trong điều 53 “Điều lệ thực hiện thuế thu nhập doanh nghiệp nước CHND Trung Hoa”, bắt đầu từ ngày 1/1/2008, khấu trừ thuế đối với phần trao tặng, quyền góp mang tính công ích phát sinh của doanh nghiệp không quá 1,2% tổng mức lợi nhuận năm đó. Doanh nghiệp bất động sản trao tặng, quyền góp bằng hiện vật bất động sản, một mặt có thể không phải nộp thuế giá trị gia tăng đất đai

phần bất động sản trao tặng quyền góp, mặt khác giá thành và chi phí xây dựng bất động sản trao tặng quyền góp có thể được khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Dự trừ chi phí tiền lãi

Trong quá trình triển khai nghiệp vụ phát triển bất động sản, thường phát sinh ra nhiều khoản vốn vay, các biện pháp khác nhau để khấu trừ thuế khoản phải trả lãi vay có ảnh hưởng lớn đối với mức thuế phải nộp của doanh nghiệp. Luật Thuế quy định, chi phí cho lãi vay có hai tiêu chuẩn 5% và 10%, như vậy có khoảng trống cho người nộp thuế lựa chọn.

c) Lựa chọn niên hạn khấu hao

Điều 59 của “Điều lệ thực hiện thuế thu nhập doanh nghiệp” quy định, tài sản cố định được tính khấu hao theo đường thẳng và được khấu trừ thuế; điều 60 quy định, niên hạn khấu hao thấp nhất áp dụng cho nhà cửa công trình xây dựng là 20 năm. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp có thể rút ngắn thời gian khấu hao, thu hồi nhanh giá trị nhà cửa, thực hiện sớm giá thành hậu kỳ và thực hiện muộn lợi nhuận tiền kỳ của doanh nghiệp nhằm có lợi khi nộp thuế, giành được giá trị thời gian của tiền vốn. Đây là khái niệm cơ bản trong quản lý tài chính doanh nghiệp.

4.3. Thuế doanh nghiệp

a) Phương thức đại diện xây dựng

Quyền sở hữu tài sản không thay đổi. Căn cứ vào thu nhập lao động xây dựng nhà cửa, doanh nghiệp nộp thuế doanh nghiệp theo thuế suất 5% của ngành dịch vụ, không cần phải nộp thuế giá trị gia tăng.

b) Phương thức hợp tác xây dựng

Luật Thuế quy định, đối với nhà cửa hợp tác xây dựng một bên đầu tư đất đai một bên đầu tư tiền vốn, nếu sau khi xây xong các bên chia nhau sử dụng theo tỷ lệ đầu tư thì tạm thời được miễn thuế giá trị gia tăng đất đai. Khi trao đổi theo phương thức lấy vật đổi vật, hai bên nộp thuế doanh nghiệp cho tài sản vô hình được chuyển nhượng và phần bất động sản được bán; khi áp dụng phương thức hợp tác, hai bên cùng đầu tư góp cổ phần, họ không phải nộp

thuế doanh nghiệp theo quy định.

c) Đầu tư góp cổ phần bằng bất động sản

“Điều lệ tạm thời về thuế doanh nghiệp” quy định, đầu tư góp cổ phần bằng bất động sản, các bên tham gia đầu tư phân phối lợi nhuận, cùng chịu rủi ro đầu tư và được miễn thuế doanh nghiệp.

V. Làm tốt công tác đánh giá dự trừ thuế, nâng cao trình độ kinh doanh của doanh nghiệp bất động sản

Đối với doanh nghiệp, thời kỳ cuối năm là thời kỳ quyết toán tài chính, đánh giá tình hình kinh doanh trong một năm của doanh nghiệp, cũng là thời kỳ phân tích đánh giá trình độ quản lý kinh doanh của doanh nghiệp. Đây chính là lúc tốt nhất để đánh giá công tác dự trừ thuế. Cuối năm, doanh nghiệp phát triển bất động sản ủy thác cho Văn phòng kiểm toán tiến hành kiểm tra báo cáo tài chính năm vừa qua của doanh nghiệp, rất cần thiết phải kết hợp với công tác kiểm toán đánh giá hiệu quả thực hiện dự trừ thuế, so sánh phân tích kết quả thẩm tra là cơ hội thuận lợi nhất để kiểm tra chất lượng hạch toán kiểm toán của doanh nghiệp. Ngoài ra, còn có thể phát hiện ra những thiếu sót trong phương án dự trừ thuế trong năm của doanh nghiệp, cải tiến biện pháp quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, hoàn thiện phương án dự trừ thuế năm tới. Đánh giá thuế không đơn thuần là cơ quan thuế tới doanh nghiệp kiểm tra, đánh giá tình hình nộp thuế, mà điều quan trọng là các chuyên gia dự trừ thuế đánh giá, tổng kết kinh nghiệm, đưa ra các bài học cho doanh nghiệp. Các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật về thuế cũng cần hết sức coi trọng công tác đánh giá dự trừ thuế, tìm ra những thiếu sót, hoàn thiện phương án, hạn chế tối đa mức thuế phải nộp, giành được lợi nhuận kinh doanh lớn nhất. Thông qua đánh giá dự trừ thuế của doanh nghiệp, vừa cần phải phân tích xem giá thành trong hạch toán tài vụ doanh nghiệp có được khấu trừ triệt để hay không, có vận dụng triệt để các chính sách ưu đãi thuế hay chưa, vừa cần phải phân tích sách lược kinh doanh và

trình tự kinh doanh của doanh nghiệp có khoa học, quy phạm, hiệu quả cao hay không, quy mô kinh doanh của doanh nghiệp có kinh tế hay không, giá thành kinh doanh trực tiếp và giá thành kinh doanh gián tiếp có thấp nhất hay không, lợi nhuận cuối cùng của doanh nghiệp có cao nhất hay không... Thông qua dự trừ thuế, đánh giá và cải tiến dự trừ thuế nhiều năm, khiến cho dự trừ thuế không ngừng hoàn thiện, không những khiến cho doanh nghiệp có thể có được lợi nhuận kinh doanh tương đối cao, mà còn có thể thúc đẩy doanh nghiệp kinh doanh theo quy định của pháp luật, cải thiện trình độ quản lý của doanh nghiệp, tăng cường năng lực cạnh tranh của thị trường.

VI. Một số vấn đề cần chú ý khi dự trừ thuế

1. Doanh nghiệp phải nghiêm túc nghiên cứu luật thuế và pháp luật thuế, tăng cường quản lý, tuân thủ chặt chẽ trình tự nộp thuế.

2. Doanh nghiệp phải chú trọng tính hiệu quả thời gian của luật thuế. Theo sau sự phát triển không ngừng của môi trường kinh tế thị trường, luật thuế Trung Quốc cần phải sửa đổi và thích ứng với tình hình mới.

3. Doanh nghiệp cần phải bảo đảm tính chính xác và tinn hoàn chỉnh của ghi chép nghiệp vụ kiểm toán. Hiện nay, tồn tại phổ biến hiện tượng doanh nghiệp bất động sản lợi dụng biện pháp kiểm toán để trốn thuế, Nhà nước cũng ban hành nhiều luật tương ứng để thu và quản lý thuế, tăng cường phạt các hành vi lợi dụng biện pháp kiểm toán để trốn thuế. Vì vậy, doanh nghiệp cần phải chú trọng bố trí các mục kiểm toán, quản lý các tài liệu hỗ trợ kiểm toán và các bằng chứng, bảo đảm tính chính xác và tinn hoàn chỉnh của ghi chép nghiệp vụ kiểm toán, sử dụng chúng để dự trừ thuế trong điều kiện pháp luật cho phép.

4. Doanh nghiệp phải tăng cường nghiên cứu tính khả thi của phương án dự trừ thuế. Dự trừ thuế bao gồm năm bước: tập trung thông tin, phân tích mục tiêu, thiết kế và lựa chọn phương án, thực hiện và phản hồi. Nhằm đề ra phương án dự trừ thuế có tính khả thi, đạt được mục tiêu

hạn chế mức thuế phải nộp, doanh nghiệp phải tập trung đầy đủ thông tin bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, xây dựng hệ thống phản hồi linh hoạt, nhận biết rủi ro, bám sát mục tiêu phát triển chiến lược của doanh nghiệp. Về mặt hạn định mục tiêu, quyết định theo mục tiêu quản lý tài vụ của doanh nghiệp, nghiên cứu tổng hợp hiệu quả chi phí, không chỉ chạy theo hạ thấp số thuế, cũng không nên chú trọng một cách phiến diện tăng hoặc giảm thu nhập. Về mặt thiết kế và lựa chọn phương án, tồn tại hoặc nhiều hoặc ít những rủi ro không thể tránh khỏi, bởi vậy cần phải nhận thức được rủi ro và cố gắng hạ thấp nó xuống mức thấp nhất nhằm hạn chế mức thuế theo dự trù thông thường. Người lập dự trù thuế phải xây dựng con đường thông tin phản hồi hai chiều. Đồng thời với việc tình hình kinh doanh thực tế của doanh nghiệp, cần phải kiểm tra hiệu quả thực hiện dự trù thuế.

5. Tạo ra sức cạnh tranh chủ chốt của doanh nghiệp bất động sản. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp bất động sản còn tồn tại vấn đề nghiêm trọng như ý thức cạnh tranh thị trường còn yếu, năng lực sáng tạo của doanh nghiệp

thấp kém... Họ chỉ chú tâm vào mặt dự trù thuế, mù quáng tăng thêm giá thành và chi phí phát triển bất động sản, xem nhẹ công tác quản lý kinh doanh. Đứng trước hiện trạng này, doanh nghiệp bất động sản cần phải tích cực cố gắng hình thành sức cạnh tranh chủ yếu của doanh nghiệp, dự trù thuế một cách thích đáng, giảm nhẹ gánh nặng thuế một cách hợp lý dưới tiền đề bảo đảm hiệu quả kinh doanh bình thường. Dự trù thuế có lợi cho doanh nghiệp bất động sản nâng cao trình độ quản lý kinh doanh và quản lý tài vụ của doanh nghiệp, sinh tồn và phát triển tốt hơn trong môi trường kinh tế thị trường mới, từ đó thực hiện mục tiêu lợi nhuận lớn nhất. Chỉ có chú trọng tăng cường năng lực cạnh tranh chủ yếu, xây dựng thể chế dự trù thuế hoàn thiện, lợi dụng biện pháp dự trù thuế một cách khoa học và hợp lý, doanh nghiệp mới có thể đứng vững trong cạnh tranh thị trường.

Lam Tương Khiết

Nguồn: Tạp chí "Xây dựng đô thị và nông thôn" TQ số 1/2011

ND: Hoàng Thế Vinh

Văn hoá xây dựng và công tác quản lý hồ sơ xây dựng đô thị

Trong một đô thị không chỉ có riêng cơ sở vật chất mà còn có cả nền văn hoá và lịch sử phát triển và đó mới chính là nét đặc trưng của đô thị. Diễn biến lịch sử phát triển của Trung Quốc trải qua 3 giai đoạn: cổ đại, cận đại và hiện đại, với quá trình thay đổi như vậy đã làm cho một phần của nền văn hoá, hình thức xây dựng và đặc điểm vốn có của Trung Quốc thay đổi theo. Đến nay, Trung Quốc còn giữ được rất nhiều công trình kiến trúc mang đậm dấu ấn lịch sử và văn hoá qua từng thời kỳ. Theo đánh giá khách quan, do văn hoá kiến trúc đô thị ở Trung Quốc khá đa dạng, nên trong công tác quản lý hồ sơ xây dựng của đô thị nhất thiết phải bao gồm cả quản lý về văn hoá kiến trúc. Tuy thuộc vào sự thay đổi của lịch sử mà công

tác quản lý hồ sơ xây dựng đô thị cũng phải ghi chép lại sự phát triển và thay đổi về văn hoá kiến trúc. Hiện nay đang là thời kỳ đô thị hoá mạnh mẽ ở Trung Quốc, nên công tác quản lý hồ sơ xây dựng của đô thị càng trở nên quan trọng hơn.

I. Văn hoá kiến trúc đô thị ở Trung Quốc

Cùng với sự thay đổi của lịch sử và phát triển của các dân tộc qua từng thời kỳ, văn hoá kiến trúc ở Trung Quốc có rất nhiều nét đặc trưng. Đến nay còn bảo tồn được khá nhiều công trình kiến trúc và các yếu tố văn hoá kiến trúc cổ đại; những yếu tố văn hoá kiến trúc ngoại lai kết hợp với vật liệu kiến trúc truyền thống của Trung Quốc đã tạo ra nền văn hoá kiến trúc cận đại, những di sản văn hoá kiến

trúc truyền thống còn giữ lại được đến ngày nay là đại diện cho các dân tộc thời kỳ đó; Văn hoá kiến trúc hiện đại là đại diện cho sự thay đổi cả về không gian và thời gian, từng bước đáp ứng với mong muốn và theo đuổi của người dân.

1. Văn hoá kiến trúc cổ đại

Văn hoá kiến trúc cổ đại của Trung Quốc vô cùng phong phú. Vào giai đoạn đó, vật liệu xây dựng chủ yếu được sử dụng là gỗ, ngói, khung gỗ được chọn làm hình thức kết cấu chính. Bộ cục xây dựng khá cầu kỳ và thẩm mỹ, các kiến trúc đình, đài, lầu, gác luôn đóng vai trò quan trọng và được kết hợp cùng nhau. Do diện tích lãnh thổ rộng lớn, nên lịch sử của các vùng khác nhau, dẫn đến lịch sử văn hoá kiến trúc lưu lại đến ngày nay ít nhiều cũng có sự khác biệt.

2. Văn hoá kiến trúc cận đại

Từ năm 1840 đến 1949, Trung Quốc chuyển sang thời kỳ lịch sử cận đại, các công trình kiến trúc của Trung Quốc cũng bắt đầu phát triển theo tình hình chung của đất nước. Năm 1840, là năm xảy ra cuộc chiến tranh Thuốc phiện giữa Trung Quốc và Anh quốc, làm cho Trung Quốc từ một nước phong kiến trở thành một nước nửa phong kiến nửa thuộc địa. Đây là sự khởi đầu quá trình lịch sử kiến trúc cận đại của Trung Quốc, trước tình thế bị động bởi nền văn hoá kiến trúc phương Tây du nhập vào và thúc đẩy triển khai thực hiện, một mặt Trung Quốc vẫn duy trì văn hoá kiến trúc truyền thống, một mặt họ lại truyền bá văn hoá kiến trúc ngoại lai, hai loại kiến trúc này phát triển song song trên cơ sở hỗ trợ, đan xen và kết hợp với nhau, tạo ra lịch sử văn hoá kiến trúc cận đại Trung Quốc.

3. Văn hoá kiến trúc truyền thống

Trung Quốc có tất cả 56 dân tộc, môi trường tự nhiên và sinh thái giữa các dân tộc có sự khác nhau, đồng thời kiến trúc và phương thức xây dựng cũng sẽ khác nhau, từ các yếu tố kiến trúc như vậy đã tạo ra nền văn hoá kiến trúc truyền thống phong phú và đa dạng. Văn hoá kiến trúc truyền thống tương đối phù hợp với phong tục tập quán của người dân sinh sống ở nơi đó. Đến nay Trung Quốc còn lưu giữ được

rất nhiều công trình kiến trúc nhà ở truyền thống của các dân tộc thiểu số, nhưng do ảnh hưởng từ nền văn hoá hiện đại, nên những tài sản vô giá này không được quan tâm đúng mức và bị hư hỏng nặng.

4. Văn hoá kiến trúc hiện đại

Văn hoá kiến trúc hiện đại chủ yếu được thực hiện dựa trên cơ sở tư duy, kỹ thuật, chức năng, trình độ Lịch sử kiến trúc hiện đại của Trung Quốc trải qua các giai đoạn từ lúc suy tàn đến lúc hưng thịnh. Chịu sự ảnh hưởng của nền văn hoá kiến trúc phương Tây, kiến trúc hiện đại của Trung Quốc thực chất bắt đầu từ những năm 30 của thế kỷ 19, nhưng lúc đó nền kinh tế và đời sống của người dân còn nhiều hạn chế, tình hình phát triển chung của đất nước chậm, trình độ quy hoạch còn yếu kém, nên chỉ có các công trình công cộng và số ít những kiến trúc nhà ở là nổi bật. Từ những năm 50 - 70, phong cách kiến trúc xây dựng nhà ở phát triển theo xu hướng sử dụng màu đỏ, những năm 70 - 80 phát triển theo xu thế sử dụng màu tro, đầu những năm 80 và giữa năm 90 phát triển theo xu hướng lựa chọn màu trắng làm chủ đạo. Sau những năm 90 của thế kỷ 20, cùng với tốc độ phát triển kinh tế nhanh chóng và đời sống của người dân được nâng cao, hoạt động kiến trúc ở Trung Quốc mới chính thức bước vào thời đại của văn hoá kiến trúc hiện đại.

II. Công tác quản lý hồ sơ xây dựng trong việc ghi chép văn hoá kiến trúc đa dạng của đô thị

1. Mối quan hệ giữa văn hoá kiến trúc đô thị với quản lý hồ sơ xây dựng đô thị

(a). Tính mật thiết

Hiểu theo nghĩa khái quát thì văn hoá kiến trúc đô thị bao hàm cả quản lý hồ sơ xây dựng đô thị, giữa chúng có mối quan hệ rất mật thiết với nhau. Văn hoá chính là linh hồn của đô thị, văn hoá kiến trúc là cốt lõi của đô thị, quản lý hồ sơ xây dựng đô thị là phương thức quan trọng để ghi chép lại sự phát triển của văn hoá đô thị; văn hoá kiến trúc đô thị chủ yếu phản ánh hiện trạng, còn quản lý hồ sơ xây dựng đô

thị có thể phản ánh sự thay đổi về không gian và thời gian.

(b). Tính thay thế

Văn hoá kiến trúc đô thị chủ yếu phản ánh hình dạng vật chất tồn tại, còn quản lý hồ sơ xây dựng đô thị chủ yếu là phản ánh hình dạng phi vật chất trên cơ sở nhận thức. Mặc dù văn hoá kiến trúc đô thị bao hàm cả quản lý hồ sơ xây dựng đô thị, nhưng lại không thể thay thế được nó. Dựa vào lịch sử ghi chép, lịch sử kinh nghiệm trong hồ sơ xây dựng đô thị, từ đó làm cơ sở để phát huy văn hoá kiến trúc đô thị, dựa trên sự phong phú của văn hoá kiến trúc đô thị mà thực hiện tốt công tác quản lý hồ sơ xây dựng đô thị, làm cơ sở hỗ trợ cho sự đổi mới và phát triển văn hoá kiến trúc đô thị.

2. Công tác quản lý hồ sơ xây dựng trong việc ghi chép văn hoá kiến trúc đa dạng của đô thị

(a). Ghi chép văn hoá kiến trúc cổ đại

Ghi chép về những kiến trúc cổ đại đã bị mất. Trải qua chiến tranh, cách mạng và hiện đại hoá, phần lớn lịch sử văn hoá kiến trúc của Trung Quốc đã bị thoái hoá, rất nhiều kiến trúc công cộng và kiến trúc dân dụng đã không còn mang diện mạo kiến trúc cổ đại. Đối với những vật kiến trúc đã bị mất đi văn hoá kiến trúc cổ đại, cần phải thu thập những tư liệu như tranh ảnh, ghi âm, phim tư liệu, chữ viết, bài viết... tư liệu thu thập được cần phải lưu giữ cẩn thận, sau đó phân loại để tiến hành xử lý kỹ thuật.

Ghi chép đối với những di sản văn hoá kiến trúc cổ đại. Di sản văn hoá kiến trúc cổ đại là vốn quý có giá trị cao, do đó phải căn cứ vào kết quả đánh giá của các cấp có liên quan mà chọn cấp độ bảo tồn phù hợp. Quản lý hồ sơ là phương pháp chính để bảo tồn văn hoá lịch sử, đối với những di sản văn hoá thời cổ đại, cần tiến hành quản lý toàn bộ từ quy hoạch, thiết kế, thi công, quản lý giám sát, tu sửa, chữ viết, tranh ảnh... và theo dõi trạng thái thay đổi trong từng giai đoạn. Thường xuyên giữ mối liên hệ với các ngành văn hoá, để cùng tăng cường công tác quản lý và bảo tồn những di sản văn

hoá kiến trúc cổ đại.

(b). Ghi chép những văn hoá kiến trúc cận đại

Ghi chép những văn hoá kiến trúc cận đại đã bị mất. Chịu ảnh hưởng từ trào lưu hiện đại hóa, nhiều kiến trúc đô thị đã được tháo dỡ và cải tạo trên diện rộng, đến nay công trình kiến trúc cận đại lưu giữ lại không nhiều. Đối với việc ghi chép văn hoá kiến trúc cận đại đã mất, kiến nghị thu thập và chỉnh lý chữ viết, tranh ảnh, phim tư liệu...

Đối với việc ghi chép di sản văn hoá kiến trúc cận đại. Những di sản của đô thị bao gồm: nhà ở của các danh nhân, giáo đường, lầu được xây dựng trên các đường phố thương mại... lịch sử văn hoá kiến trúc cận đại của Trung Quốc là xã hội nửa phong kiến, nửa thuộc địa nên tăng cường quản lý và bảo tồn các di sản văn hoá là việc làm rất cần thiết. Ngày nay tốc độ phát triển đô thị hóa đang tăng nhanh, để tránh trường hợp văn hoá bị mất mát xảy ra, phải kịp thời thu thập những tư liệu điển hình và có ý nghĩa về xây dựng trong lịch sử cận đại, chú trọng tiến hành quản lý chữ viết, tranh ảnh...

3. Ghi chép di sản văn hoá kiến trúc

Đối với những di sản văn hoá có nguồn gốc lịch sử và bề dày văn hoá, nhất định phải được quản lý và bảo tồn. Đối với những di sản văn hoá kiến trúc, nhiệm vụ của công tác quản lý hồ sơ xây dựng đô thị là phải biết nắm bắt cơ hội và phát triển nó, tiến hành quản lý hồ sơ như tranh ảnh, chữ viết, đo đạc địa chính... thiết lập hồ sơ về các làng mạc truyền thống nổi bật, thu thập và chỉnh lý những thay đổi trong lịch sử, các yếu tố văn hoá kiến trúc, bố cục quy hoạch truyền thống, các sự kiện diễn ra trong lịch sử.

4. Ghi chép đối với văn hoá kiến trúc hiện đại

Sự đa dạng của đời sống xã hội hiện đại, đã khiến cho các công trình kiến trúc hiện đại cũng phải đa dạng để đáp ứng với nhu cầu sử dụng của người dân. Vai trò của xây dựng đối với người dân là tạo ra môi trường để họ có thể tham gia các hoạt động, do các hoạt động của người

dân trong môi trường hiện đại khá đa dạng nên các loại hình xây dựng cũng phải đa dạng để đáp ứng những hoạt động đó. Xây dựng nhà ở, khu thương mại, khu công nghiệp, nơi công cộng ... đều có những yêu cầu về hình thức và chức năng sử dụng khác nhau, nên chắc chắn rằng văn hoá kiến trúc sẽ có sự khác biệt.

(1). *Ghi chép đối với văn hoá kiến trúc nhà ở hiện đại*

Do có sự khác nhau về khả năng kinh tế, nên điều kiện nhà ở của người dân cũng khác nhau. Kiến trúc nhà ở được phân thành 3 loại: kiến trúc nhà ở đơn giản, nhà ở phổ thông và nhà ở cao cấp. Nhiệm vụ quản lý hồ sơ đối với nhà ở đơn giản chủ yếu quản lý tới chữ viết, tranh ảnh...; đối với nhà ở phổ thông và nhà ở cao cấp phải tuân theo những quy định của quốc gia mà tiến hành quản lý tiêu chuẩn toàn bộ quá trình. Trong quá trình quản lý phải thể hiện được văn hoá về nhà ở, phản ánh được cội nguồn văn hoá.

(2). *Ghi chép văn hoá kiến trúc thương mại hiện đại*

Kiến trúc thương mại là nơi để người dân kinh doanh buôn bán và làm văn phòng, nên có yêu cầu quản lý kỹ thuật và thiết kế quy hoạch đặc thù. Ghi chép quản lý hồ sơ xây dựng đô thị đối với văn hoá kiến trúc thương mại hiện đại phức tạp hơn nhiều so với kiến trúc dân dụng,

yêu cầu phải thực hiện đúng quy định, phải được thực hiện một cách khoa học.

(3). *Ghi chép văn hoá kiến trúc công nghiệp hiện đại*

Quan niệm về thiết kế công nghiệp hiện đại là có thể kết hợp với văn hoá doanh nghiệp lại với nhau, vì văn hoá kiến trúc không phải chỉ cần thể hiện ở hiệu quả lợi ích mà còn phải thể hiện được nhận thức của con người, do đó, công việc ghi chép quản lý hồ sơ kiến trúc đô thị đối với văn hoá kiến trúc công nghiệp hiện đại rất phức tạp, yêu cầu phải quản lý phù hợp với chuyên ngành và phù hợp với đô thị.

(4). *Ghi chép văn hoá kiến trúc công cộng hiện đại*

Trình độ cao thấp trong việc thiết kế kiến trúc công cộng, chất lượng công trình tốt xấu hay mức độ hoàn thiện hệ thống cấp nhiệt... đều mang tính quyết định tới văn hoá kiến trúc và mức độ hiện đại hoá của một đô thị. Vì vậy, cần phải quản lý hồ sơ kiến trúc công cộng trên mọi phương diện, trong quá trình quản lý phải tuân thủ theo đúng quy định quản lý của địa phương và quốc gia./.

Đỗ Kim Lâm

Nguồn: Tạp chí xây dựng Đô thị & Nông thôn Trung Quốc số 4/2011

ND: Bích Ngọc

Nét đặc sắc sinh thái của các thành phố Tuebingen và Heidelberg (CHLB Đức)

1. Thành phố sinh thái Tuebingen

(1) Nét đặc sắc của thành phố sinh thái

Từ cuối thập niên 1990, thành phố Tuebingen (Đức) được quy hoạch thành một thành phố sinh thái tươi đẹp, mang lại chất lượng cuộc sống cao cho người dân. Hoa tươi và màu xanh thiên nhiên đã tô điểm thêm cho thành phố nhỏ đầy tươi đẹp này. Mục tiêu của một thành phố mang màu xanh sinh thái là cần tiến hành cải tạo sự thiếu hụt cá tính của thành phố trước đây và những khu nhà ở đông đúc, để cho kết

cấu của sinh thái là màu xanh của thiên nhiên. Không còn những vết thương chiến tranh của thành cổ, thành phố được nối tiếp giữa lịch sử văn hoá lâu đời và văn minh hiện đại. Phong cảnh thanh tao đẹp đẽ và không khí trong lành, một lớp áo sinh thái tươi đẹp bao bọc lấy phong cảnh và nét hiện đại của thành phố.

(2) Kinh nghiệm cơ bản trong xây dựng thành phố sinh thái

Thành công của việc xây dựng thành phố sinh thái Tuebingen là tính thống nhất trong việc

xây dựng thành phố và môi trường sinh thái. Cái gọi là tính thống nhất có nghĩa là quy hoạch có khoa học, xây dựng các tiểu khu, công nghiệp, giao thông, nguồn năng lượng... “mang đến thành phố một màu xanh sạch đẹp” để cho chúng trở nên đồng nhất. Nhất thể hoá là trong thiết kế của toàn bộ phạm vi thành phố bao gồm các khu toà nhà cao tầng, đẩy mạnh điều chỉnh những tình trạng sinh thái còn lệch hướng.

(3) Lấy con người làm trọng tâm để cùng tương hỗ hài hoà với môi trường

Thành phố Tuebingen lấy “chức năng sinh thái” làm điểm khởi đầu, tăng cường quan hệ mật thiết giữa con người và tự nhiên, đạt đến sự phối hợp hài hoà một cách hợp lí nhất. Giảm bớt lưu lượng giao thông là thành công lớn nhất của thành phố sinh thái Tuebingen. Mục đích lớn nhất của thành phố Tuebingen là kiến tạo khu cư dân gắn với nơi công tác, gần nơi mua sắm, gần trường học, rút ngắn lưu lượng xe cộ lưu thông mỗi ngày trong thành phố, giảm bớt tai nạn giao thông, làm cho thành phố gần gũi hơn với thiên nhiên .

2. Quy hoạch thành phố Heidelberg

Thành phố Heidelberg là một trong những thành phố được quy hoạch một cách có hệ thống và khoa học, do từ khi bắt đầu quy hoạch đã có một đội ngũ chuyên gia và các nhà tư vấn chuyên nghiệp tham gia vào phương án xây dựng thành phố sinh thái này. Thành phố Heidelberg đã dành được giải thưởng Thân thiện môi trường của nước Đức và thành phố sẽ không ngừng cố gắng duy trì danh hiệu được khen thưởng này.

Thành phố Heidelberg luôn quan niệm: sản xuất là kết tinh của lý thuyết duy trì phát triển bền vững thành phố sinh thái, là thành quả quy hoạch một cách khoa học và cũng là lý thuyết hướng dẫn xây dựng thành phố sinh thái.

(1) Học hỏi từ mô hình thành phố sinh thái của thế giới

Thành phố Heidelberg đã hình thành được hệ thống công nghiệp tái chế. Từ một nhà máy thứ nhất, chuyên xử lý phế liệu và rác thải, sau khi

đã qua xử lý, chuyển đến nhà máy thứ 2, những phế liệu ấy đã trở thành những nguyên liệu tái chế có thể đưa vào sử dụng, đặc biệt hơn là phương thức vận chuyển hoàn toàn được thực hiện trên dây truyền tự động, hiện nay đã có 7 thành phố khác học theo phương pháp này. Điều này đã thể hiện được tính chủ động và tính vượt trội trong xây dựng thành phố sinh thái .

(2) Tiêu chuẩn chất lượng của một thành phố sinh thái

Để biết được tiêu chuẩn chất lượng thành phố sinh thái ra sao, người ta có thể dùng thước đo và tiêu chuẩn cụ thể để tiến hành so sánh. Thành phố Heidelberg được đánh giá dựa trên 5 chỉ tiêu là: không khí, khí hậu, tiếng ồn, phế liệu và nước, từ 5 chỉ tiêu này có thể tìm ra được những chỉ tiêu khác có liên quan và tiêu chuẩn khoa học có thể phản ánh tình hình sinh thái của toàn thành phố, qua đó giúp người dân có thể tiếp xúc với mạch đập sinh thái của thành phố này.

(3) Xây dựng quan niệm đạo đức sinh thái

Chính quyền thành phố Heidelberg luôn lấy đạo đức sinh thái đặt vào vị trí quan tâm hàng đầu. Nếu sinh thái thành phố tách rời với sinh thái đạo đức thì chắc chắn thành phố sinh thái đó không thể phát triển bền vững được, hay xây dựng thành phố sinh thái nhưng không hiểu rõ thế nào là đạo đức sinh thái thì thành phố đó cũng sẽ nhanh chóng bị huỷ hoại, với những bằng biển tuyên truyền có nội dung kiểu như vậy có mặt khắp mọi nơi trong thành phố, các loại biển quảng cáo sinh thái màu sắc bắt mắt khiến cho người dân có nhận thức đúng đắn về quan niệm đạo đức sinh thái, giúp họ gần hơn nữa với thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên, lấy hành động tự giác của mọi người để cùng nhau xây dựng thành phố sinh thái.

Trương Trấn Trung - Trịnh Huệ

Nguồn: Tạp chí xây dựng Đô thị & Nông thôn Trung Quốc số 5/2011

ND : Khánh Ly

LỄ KỶ NIỆM 81 NĂM NGÀY THÀNH LẬP HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM VÀ TỔNG KẾT PHONG TRÀO “NGƯỜI MẸ CÓ CON NGOAN HỌC GIỎI” CƠ QUAN BỘ XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2011



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi Lễ



Tiết mục biểu diễn văn nghệ chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10